

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
KỲ THI NGÀY 08/6/2025**

Địa điểm thi:

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHDN (131 Lương Nhữ Hộc, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng) - **TẦNG 4**

Thời gian các ca thi:

Ca 1: 7h00 - 11h30; Ca 2: 13h00 - 17h00; Ca 3: 17h30 - 21h00

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
1	860001	Cái Xuân An	02/08/2001	110190001	Thừa Thiên Huế	19X1CLC1	1	1 (A401)	ĐHBK
2	860002	Hoàng Hữu An	19/12/2002	105200077	Quảng Bình	20D1	1	1 (A401)	ĐHBK
3	860003	Lê Thị Thùy An	05/09/2001	121190047	Đà Nẵng	19KTCLC2	1	1 (A401)	ĐHBK
4	860004	Nguyễn Việt Mai An	28/06/2002	101200078	Quảng Nam	20C1B	1	1 (A401)	ĐHBK
5	860005	Dương Hoàng Ân	19/02/2003	109210170	Quảng Bình	21X3B	1	1 (A401)	ĐHBK
6	860006	Võ Thiên Ân	19/08/2002	101200145	Quảng Nam	20C1C	1	1 (A401)	ĐHBK
7	860007	Đỗ Thị Ngọc Anh	05/11/2001	107190001	Thừa Thiên Huế	19H2CLC1	1	1 (A401)	ĐHBK
8	860008	Ngô Nguyễn Huy Anh	06/05/2002	111200022	Đà Nẵng	20THXD1	1	1 (A401)	ĐHBK
9	860009	Nguyễn Hoàng Trâm Anh	24/08/2002	107200027	Thừa Thiên Huế	20H2	1	1 (A401)	ĐHBK
10	860010	Nguyễn Thị Ngọc Anh	11/01/2000	118180066	Đà Nẵng	18KXCLC	1	1 (A401)	ĐHBK
11	860011	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	25/04/2002	118200027	Thừa Thiên Huế	20KX	1	1 (A401)	ĐHBK
12	860012	Nguyễn Trâm Anh	16/11/2002	106200012	Đà Nẵng	20DT1	1	1 (A401)	ĐHBK
13	860013	Phạm Hoàng Anh	08/06/2001	107190115	Quảng Ngãi	19H5CLC	1	1 (A401)	ĐHBK
14	860014	Cao Ngọc Ánh	09/07/2003	109210173	Nghệ An	21X3B	1	1 (A401)	ĐHBK
15	860015	Phan Thị Ngọc Ánh	25/03/2002	107200188	Thừa Thiên Huế	20KTHH1	1	1 (A401)	ĐHBK
16	860016	Đoàn Văn Âu	24/01/2002	110200020	Quảng Nam	20X1A	1	1 (A401)	ĐHBK
17	860017	Nguyễn Lê Xuân Bách	21/08/2004	103220247	Đà Nẵng	22KTTT	1	1 (A401)	ĐHBK
18	860018	Lê Vũ Bảo	13/01/2002	103200111	Quảng Nam	20C4CLC2	1	1 (A401)	ĐHBK
19	860019	Nguyễn Thế Bảo	06/09/2000	101180280	Quảng Nam	18CDTCLC	1	1 (A401)	ĐHBK
20	860020	Nguyễn Văn Bảo	14/03/2002	101200013	Hà Tĩnh	20C1A	1	1 (A401)	ĐHBK
21	860021	Trần Thiện Bảo	28/04/2001	105190047	Kon Tum	19DCLC2	1	1 (A401)	ĐHBK
22	860022	Lâm Sĩ Ben	14/07/2002	103200007	Quảng Ngãi	20C4A	1	1 (A401)	ĐHBK
23	860023	Nguyễn Khắc Hoài Bi	20/03/2002	105200078	Quảng Trị	20D1	1	1 (A401)	ĐHBK
24	860024	Trần Quang Bình	02/01/2001	103190139	Quảng Nam	19C4CLC4	1	1 (A401)	ĐHBK
25	860025	Nguyễn Quốc Bồng	22/06/2002	110200056	Quảng Nam	20X1B	1	1 (A401)	ĐHBK
26	860026	Lê Việt Cảnh	16/07/2001	101200215	Quảng Nam	20CDT1	1	1 (A401)	ĐHBK
27	860027	Nguyễn Thị Kim Chi	27/10/2002	103200225	Quảng Ngãi	20HTCN	1	1 (A401)	ĐHBK
28	860028	Nguyễn Trà Chi	06/03/2002	121200005	Quảng Trị	20KT	1	1 (A401)	ĐHBK
29	860029	Hồ Ngọc Chương	04/02/2002	105200079	Nghệ An	20D1	1	2 (A402)	ĐHBK
30	860030	Nguyễn Chí Công	05/04/2000	103180133	Quảng Trị	18C4CLC	1	2 (A402)	ĐHBK
31	860031	Trần Đức Công	24/12/2002	123200054	Nam Định	20PFIEV2	1	2 (A402)	ĐHBK
32	860032	Bùi Quốc Cường	12/10/2002	101200260	Nghệ An	20CDT2	1	2 (A402)	ĐHBK
33	860033	Lê Khắc Cường	23/04/2002	105200325	Thanh Hóa	20TDH2	1	2 (A402)	ĐHBK
34	860034	Lê Văn Cường	13/08/2002	101200217	Thanh Hóa	20CDT1	1	2 (A402)	ĐHBK
35	860035	Phạm Việt Cường	13/06/2000	103180136	Đà Nẵng	18C4CLC	1	2 (A402)	ĐHBK
36	860036	Nguyễn Minh Đại	17/01/2002	101200151	Quảng Ngãi	20C1C	1	2 (A402)	ĐHBK
37	860037	Phan Nguyên Đại	17/04/2002	118200091	Đà Nẵng	20KXCLC	1	2 (A402)	ĐHBK
38	860038	Trần Công Đại	29/04/2002	109200121	Quảng Nam	20X3	1	2 (A402)	ĐHBK
39	860039	Huỳnh Công Danh	28/05/2001	109190047	Quảng Ngãi	19X3CLC	1	2 (A402)	ĐHBK
40	860040	Lê Văn Đạt	19/05/2002	102200371	Quảng Bình	20T2	1	2 (A402)	ĐHBK
41	860041	Ngô Quốc Đạt	23/06/2002	101200018	Quảng Ngãi	20C1A	1	2 (A402)	ĐHBK
42	860042	Nguyễn Văn Quốc Đạt	12/07/1998	121160004	Quảng Nam	16KTCLC1	1	2 (A402)	ĐHBK
43	860043	Phạm Quảng Đạt	08/12/2001	103190052	Đà Nẵng	19C4CLC2	1	2 (A402)	ĐHBK
44	860044	Phạm Văn Đạt	18/01/2002	101200019	Quảng Nam	20C1A	1	2 (A402)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
45	860045	Phan Tiến Đạt	15/05/2003	106210066	Quảng Ngãi	21DT1	1	2 (A402)	ĐHBK
46	860046	Trần Văn Đạt	20/04/2002	107200190	Quảng Nam	20KTHH1	1	2 (A402)	ĐHBK
47	860047	Mai Thị Diễm	20/08/2002	118200093	Quảng Nam	20KXCLC	1	2 (A402)	ĐHBK
48	860048	Võ Thành Đô	14/02/2001	105190331	Hà Tĩnh	19TDHCLC4	1	2 (A402)	ĐHBK
49	860049	Lê Viết Đoàn	27/05/2001	101200022	Thừa Thiên Huế	20C1A	1	2 (A402)	ĐHBK
50	860050	Nguyễn Châu Đông	01/03/2001	103190142	Quảng Nam	19C4CLC4	1	2 (A402)	ĐHBK
51	860051	Hoàng Đoàn Kiến Đức	30/10/2002	110200134	Quảng Bình	20X1CLC2	1	2 (A402)	ĐHBK
52	860052	Lê Ngọc Đức	16/04/2002	104200005	Hà Tĩnh	20N	1	2 (A402)	ĐHBK
53	860053	Nguyễn Đình Đức	01/05/2001	105200121	Nghệ An	20D2	1	2 (A402)	ĐHBK
54	860054	Nguyễn Thành Đức	13/10/2002	105200084	Ninh Bình	20D1	1	2 (A402)	ĐHBK
55	860055	Nguyễn Bá Dũng	02/01/2002	118200033	Hà Tĩnh	20KX	1	2 (A402)	ĐHBK
56	860056	Nguyễn Văn Dũng	17/02/2002	110200135	Hà Tĩnh	20X1CLC2	1	2 (A402)	ĐHBK
57	860057	Nguyễn Văn Dũng	02/05/2002	103200010	Quảng Nam	20C4A	1	3 (A403)	ĐHBK
58	860058	Phan Tiến Dũng	12/09/1999	105170226	Nghệ An	17DCLC	1	3 (A403)	ĐHBK
59	860059	Nguyễn Thái Dương	13/09/2001	103200232	Quảng Nam	20HTCN	1	3 (A403)	ĐHBK
60	860060	Nguyễn Hữu Duy	10/11/2002	103200187	Quảng Ngãi	20C4CLC4	1	3 (A403)	ĐHBK
61	860061	Nguyễn Tấn Duy	13/01/2002	109200021	Quảng Nam	20CSHT	1	3 (A403)	ĐHBK
62	860062	Nguyễn Tấn Duy	17/01/2002	101200428	Quảng Nam	20CKHK	1	3 (A403)	ĐHBK
63	860063	Trần Hưng Quốc Duy	18/09/2002	117200036	Thừa Thiên Huế	20QLMT	1	3 (A403)	ĐHBK
64	860064	Võ Thành Duy	02/09/2001	103190144	Quảng Nam	19C4CLC4	1	3 (A403)	ĐHBK
65	860065	Ngô Thị Kỳ Duyên	16/05/2001	118190047	Quảng Ngãi	19KXCLC2	1	3 (A403)	ĐHBK
66	860066	Lê Thị Hồng Gấm	22/07/2001	121190009	Thừa Thiên Huế	19KTCLC1	1	3 (A403)	ĐHBK
67	860067	Huỳnh Thị Thu Giang	01/06/2002	107200314	Quảng Nam	20KTHH2	1	3 (A403)	ĐHBK
68	860068	Lê Trường Giang	15/06/2003	101210313	Hà Nam	21CDTCLC1	1	3 (A403)	ĐHBK
69	860069	Nguyễn Thị Trà Giang	17/03/2002	118200036	Gia Lai	20KX	1	3 (A403)	ĐHBK
70	860070	Đoàn Quốc Hà	03/02/2002	118200038	Quảng Nam	20KX	1	3 (A403)	ĐHBK
71	860071	Phan Thị Thu Hà	04/07/2001	107190009	Thừa Thiên Huế	19H2CLC1	1	3 (A403)	ĐHBK
72	860072	Trương Công Hà	14/07/2001	110190049	Quảng Nam	19X1CLC2	1	3 (A403)	ĐHBK
73	860073	Đỗ Thanh Hải	16/07/2002	118200041	Thừa Thiên Huế	20KX	1	3 (A403)	ĐHBK
74	860074	Nguyễn Hữu Hải	18/07/2002	118200042	Quảng Nam	20KX	1	3 (A403)	ĐHBK
75	860075	Nguyễn Tấn Hải	06/05/2001	101190279	Quảng Nam	19CDTCLC1	1	3 (A403)	ĐHBK
76	860076	Nguyễn Tấn Sỹ Hải	16/03/2002	101200161	Quảng Nam	20C1C	1	3 (A403)	ĐHBK
77	860077	Nguyễn Văn Hải	10/05/2002	105200329	Nghệ An	20TDH2	1	3 (A403)	ĐHBK
78	860078	Phan Thanh Hải	30/08/2002	101200308	Quảng Ngãi	20CDTCLC1	1	3 (A403)	ĐHBK
79	860079	Tăng Văn Hải	10/09/2002	110200028	Quảng Nam	20X1A	1	3 (A403)	ĐHBK
80	860080	Võ Gia Hân	31/03/2002	107200096	Bình Định	20H2CLC	1	3 (A403)	ĐHBK
81	860081	Nguyễn Thị Hằng	01/09/2002	107200033	Nghệ An	20H2	1	3 (A403)	ĐHBK
82	860082	Lê Thị Hồng Hạnh	19/12/2002	118200140	Thừa Thiên Huế	20QLCN1	1	3 (A403)	ĐHBK
83	860083	Nguyễn Hữu Hào	14/11/2001	110190090	Thừa Thiên Huế	19X1CLC3	1	3 (A403)	ĐHBK
84	860084	Nguyễn Tuấn Hào	26/04/1999	123170054	Đà Nẵng	17TDHCLC1	1	3 (A403)	ĐHBK
85	860085	Trương Phước Hào	02/08/2002	105200263	Bình Định	20DCLC4	1	4 (B401)	ĐHBK
86	860086	Nguyễn Hữu Hậu	20/04/2000	101180230	Quảng Nam	18CDT2	1	4 (B401)	ĐHBK
87	860087	Võ Thành Hậu	02/10/2002	101200096	Quảng Nam	20C1B	1	4 (B401)	ĐHBK
88	860088	Đặng Thị Thanh Hiền	10/07/2002	118200099	Quảng Nam	20KXCLC	1	4 (B401)	ĐHBK
89	860089	Mai Thượng Hiền	23/06/2002	111200028	Phú Yên	20THXD1	1	4 (B401)	ĐHBK
90	860090	Nguyễn Thị Hiền	30/08/2001	118190050	Đà Nẵng	19KXCLC2	1	4 (B401)	ĐHBK
91	860091	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	20/05/2002	107200193	Thừa Thiên Huế	20KTHH1	1	4 (B401)	ĐHBK
92	860092	Kiều Thanh Hiền	27/10/2000	103190146	Quảng Ngãi	19C4CLC4	1	4 (B401)	ĐHBK
93	860093	Trần Thế Hiền	10/07/2001	104190011	Quảng Ngãi	19NCLC	1	4 (B401)	ĐHBK
94	860094	Hoàng Xuân Hiệp	02/01/2002	107200316	Thừa Thiên Huế	20KTHH2	1	4 (B401)	ĐHBK
95	860095	Mai Văn Hiệp	08/09/2001	105190054	Đà Nẵng	19DCLC2	1	4 (B401)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
96	860096	Đỗ Vạn	Hiếu	17/07/2001	101190441	Quảng Nam	19CDTCLC4	1	4 (B401)	ĐHBK
97	860097	Đoàn Trung	Hiếu	09/05/2001	101190280	Quảng Nam	19CDTCLC1	1	4 (B401)	ĐHBK
98	860098	Dương Văn	Hiếu	15/05/2000	102190262	Quảng Bình	19TCLC_DT	1	4 (B401)	ĐHBK
99	860099	Mai Phước	Hiếu	06/08/2002	103200047	Quảng Nam	20C4B	1	4 (B401)	ĐHBK
100	860100	Ngô Đình	Hiếu	13/01/2001	109190052	Quảng Nam	19X3CLC	1	4 (B401)	ĐHBK
101	860101	Ngô Thị Xuân	Hiếu	19/08/2002	118200044	Quảng Ngãi	20KX	1	4 (B401)	ĐHBK
102	860102	Nguyễn	Hiếu	24/08/2002	103200013	Đà Nẵng	20C4A	1	4 (B401)	ĐHBK
103	860103	Nguyễn Gia	Hiếu	14/06/2002	103200153	Quảng Ngãi	20C4CLC3	1	4 (B401)	ĐHBK
104	860104	Nguyễn Trung	Hiếu	24/05/2001	118190009	Đà Nẵng	19KXCLC1	1	4 (B401)	ĐHBK
105	860105	Trần Lê Minh	Hiếu	10/09/2002	103200118	Quảng Nam	20C4CLC2	1	4 (B401)	ĐHBK
106	860106	Cao Duy	Hiệu	23/01/2002	105200088	Quảng Nam	20D1	1	4 (B401)	ĐHBK
107	860107	Lê Ngọc	Hoa	21/05/2002	103200154	Quảng Nam	20C4CLC3	1	4 (B401)	ĐHBK
108	860108	Bùi Công	Hòa	28/05/2002	103200237	Quảng Nam	20HTCN	1	4 (B401)	ĐHBK
109	860109	Đặng Thế	Hòa	20/05/2002	103200286	Nghệ An	20KTTT	1	4 (B401)	ĐHBK
110	860110	Nguyễn Anh	Hòa	05/02/2002	105200089	Quảng Trị	20D1	1	4 (B401)	ĐHBK
111	860111	Nguyễn Trung	Hòa	14/07/2001	103190103	Quảng Ngãi	19C4CLC3	1	4 (B401)	ĐHBK
112	860112	Nguyễn Mậu	Hoàn	05/05/2001	103190148	Quảng Trị	19C4CLC4	1	4 (B401)	ĐHBK
113	860113	Hồ Phi	Hoàng	23/11/2002	107200319	Thừa Thiên Huế	20KTHH2	1	5 (B402)	ĐHBK
114	860114	Hoàng Cao Minh	Hoàng	05/03/2002	105200127	Gia Lai	20D2	1	5 (B402)	ĐHBK
115	860115	Lê Anh	Hoàng	20/04/2002	121200018	Đà Nẵng	20KT	1	5 (B402)	ĐHBK
116	860116	Nguyễn Đỗ Minh	Hoàng	04/05/1999	102170219	Đà Nẵng	17TCLC1	1	5 (B402)	ĐHBK
117	860117	Trần Đức	Hoàng	26/11/2002	105200362	Đà Nẵng	20TDHCLC1	1	5 (B402)	ĐHBK
118	860118	Võ Phan Nhật	Hoàng	10/08/1999	103200239	Quảng Nam	20HTCN	1	5 (B402)	ĐHBK
119	860119	Dương Thị	Hồng	30/08/2001	121190014	Quảng Nam	19KTCLC1	1	5 (B402)	ĐHBK
120	860120	Lại Công	Hợp	14/02/2001	101190285	Quảng Nam	19CDTCLC1	1	5 (B402)	ĐHBK
121	860121	Trần Đức	Hợp	22/09/2002	104200008	Quảng Bình	20N	1	5 (B402)	ĐHBK
122	860122	Lê Mạnh	Hùng	22/06/2001	106190014	Đà Nẵng	19DTCLC1	1	5 (B402)	ĐHBK
123	860123	Trương Văn	Hùng	26/02/2002	101200225	Đà Nẵng	20CDT1	1	5 (B402)	ĐHBK
124	860124	Võ Khắc	Hùng	19/07/2001	104190017	Nghệ An	19NCLC	1	5 (B402)	ĐHBK
125	860125	Đoàn Đại	Hưng	28/06/2002	109200127	Thừa Thiên Huế	20X3	1	5 (B402)	ĐHBK
126	860126	Lê Dương	Hưng	12/01/2002	103200016	Thừa Thiên Huế	20C4A	1	5 (B402)	ĐHBK
127	860127	Võ Văn	Hưng	21/07/2002	109200081	Bình Định	20VLXD	1	5 (B402)	ĐHBK
128	860128	Nguyễn Thị Thu	Hương	25/03/2002	118200196	Quảng Trị	20QLCN2	1	5 (B402)	ĐHBK
129	860129	Bùi Vũ	Huy	23/01/2002	103200241	Hà Tĩnh	20HTCN	1	5 (B402)	ĐHBK
130	860130	Hoàng Đức	Huy	03/07/2002	118200145	Đà Nẵng	20QLCN1	1	5 (B402)	ĐHBK
131	860131	Huỳnh Quang	Huy	12/01/2002	103200051	Thừa Thiên Huế	20C4B	1	5 (B402)	ĐHBK
132	860132	Lê Hữu Đức	Huy	12/04/2002	102200052	Quảng Nam	20TCLC_DT	1	5 (B402)	ĐHBK
133	860133	Lê Minh	Huy	03/07/2002	110200064	Quảng Nam	20X1B	1	5 (B402)	ĐHBK
134	860134	Ngô Xuân	Huy	12/04/2002	107200199	Quảng Nam	20KTHH1	1	5 (B402)	ĐHBK
135	860135	Nguyễn Công Vũ	Huy	23/10/2006	123240165		24PFIEV2	1	5 (B402)	ĐHBK
136	860136	Nguyễn Quốc	Huy	02/09/2001	105200267	Hà Tĩnh	20DCLC4	1	5 (B402)	ĐHBK
137	860137	Nguyễn Xuân	Huy	01/06/2001	121190018	Thừa Thiên Huế	19KTCLC1	1	5 (B402)	ĐHBK
138	860138	Trần Hoàng	Huy	01/05/2002	105200092	Quảng Nam	20D1	1	5 (B402)	ĐHBK
139	860139	Trần Phước Gia	Huy	30/03/2002	105200199	Thừa Thiên Huế	20DCLC2	1	5 (B402)	ĐHBK
140	860140	Võ Đoàn Quang	Huy	13/10/2001	103190152	Quảng Nam	19C4CLC4	1	5 (B402)	ĐHBK
141	860141	Võ Vương	Huy	25/08/2001	101190450	Quảng Nam	19CDTCLC4	1	6 (B403)	ĐHBK
142	860142	Tăng Thị Mai	Huyền	20/08/2002	107200040	Quảng Bình	20H2	1	6 (B403)	ĐHBK
143	860143	Đình Thế	Huỳnh	16/07/2002	101200228	Nghệ An	20CDT1	1	6 (B403)	ĐHBK
144	860144	Hoàng Long	Khai	19/04/2002	103200245	Quảng Trị	20HTCN	1	6 (B403)	ĐHBK
145	860145	Phan Quang	Kháng	10/02/2002	118200198	Quảng Ngãi	20QLCN2	1	6 (B403)	ĐHBK
146	860146	Nguyễn Văn	Khanh	16/09/2001	103190153	Quảng Ngãi	19C4CLC4	1	6 (B403)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
147	860147	Hồ Xuân	Khánh	02/02/2002	105200304	Thừa Thiên Huế	20TDH1	1	6 (B403)	ĐHBK
148	860148	Nguyễn Võ Văn	Khánh	17/11/2001	111200035	Đà Nẵng	20THXD1	1	6 (B403)	ĐHBK
149	860149	Trần Thị Nhật	Khánh	01/08/2003	107220338	Thừa Thiên Huế	22SHYD	1	6 (B403)	ĐHBK
150	860150	Nguyễn Gia	Khiêm	04/06/2002	105200269	Quảng Ngãi	20DCLC4	1	6 (B403)	ĐHBK
151	860151	Lê Đình	Khoa	27/04/2002	101200399	Quảng Nam	20CDTCLC3	1	6 (B403)	ĐHBK
152	860152	Mai Đăng	Khoa	30/08/2001	109190015	Quảng Nam	19VLXD	1	6 (B403)	ĐHBK
153	860153	Võ Thị Đăng	Khoa	01/02/2003	118210154	Quảng Ngãi	21QLCN1	1	6 (B403)	ĐHBK
154	860154	Nguyễn Đức	Khôi	26/08/2002	103200020	Quảng Nam	20C4A	1	6 (B403)	ĐHBK
155	860155	Đào Vũ Minh	Khuê	09/04/2001	118200147	Quảng Ngãi	20QLCN1	1	6 (B403)	ĐHBK
156	860156	Bùi Công	Kiên	11/05/2002	106200265	Thành Phố Hà Nội	20KTMT2	1	6 (B403)	ĐHBK
157	860157	Huỳnh Võ Tuấn	Kiệt	25/01/1997	105150150	Kon Tum	15D3	1	6 (B403)	ĐHBK
158	860158	Võ Mạnh	Kiệt	02/02/1998	105200131	Quảng Trị	20D2	1	6 (B403)	ĐHBK
159	860159	Mai Thanh	Kỳ	04/04/1982	109150197	Quảng Nam	15X3CLC	1	6 (B403)	ĐHBK
160	860160	Lê Thanh	Lâm	22/11/2002	110200034	Quảng Bình	20X1A	1	6 (B403)	ĐHBK
161	860161	Trương Ngọc	Lâm	28/12/2001	111200077	Đà Nẵng	20THXD2	1	6 (B403)	ĐHBK
162	860162	Nguyễn Văn	Lâm	12/01/2002	110200068	Thừa Thiên Huế	20X1B	1	6 (B403)	ĐHBK
163	860163	Trần Thị	Liêu	09/02/2002	118200199	Quảng Nam	20QLCN2	1	6 (B403)	ĐHBK
164	860164	Hồ Bùi Mỹ	Linh	02/02/2002	118200148	Quảng Ngãi	20QLCN1	1	6 (B403)	ĐHBK
165	860165	Lê Nguyễn Hoài	Linh	14/01/2002	101200038	Quảng Ngãi	20C1A	1	6 (B403)	ĐHBK
166	860166	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	01/02/2001	121190070	Đà Nẵng	19KTCLC2	1	6 (B403)	ĐHBK
167	860167	Nguyễn Thị	Linh	07/10/2002	118200050	Quảng Nam	20KX	1	6 (B403)	ĐHBK
168	860168	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	14/09/2002	118200200	Quảng Nam	20QLCN2	1	6 (B403)	ĐHBK
169	860169	Phan Văn Quốc	Linh	22/05/2002	111200038	Đà Nẵng	20THXD1	1	7 (C402)	ĐHBK
170	860170	Tạ Anh	Linh	03/04/2003	117210076	Quảng Bình	21QLMT	1	7 (C402)	ĐHBK
171	860171	Trương Công Hoài	Linh	18/05/2002	103200056	Quảng Nam	20C4B	1	7 (C402)	ĐHBK
172	860172	Trần Văn	Lợi	30/09/2002	101200040	Quảng Nam	20C1A	1	7 (C402)	ĐHBK
173	860173	Hồ Hoàng	Long	09/10/2000	106180205	Đà Nẵng	18DTCLC	1	7 (C402)	ĐHBK
174	860174	Nguyễn Thành	Long	13/10/2002	101200108	Quảng Trị	20C1B	1	7 (C402)	ĐHBK
175	860175	Phạm Nhật	Long	03/11/2002	103200022	Quảng Nam	20C4A	1	7 (C402)	ĐHBK
176	860176	Nguyễn Ngọc	Luân	18/02/2002	106200200	Quảng Nam	20DTCLC4	1	7 (C402)	ĐHBK
177	860177	Nguyễn Trọng	Luật	25/04/2002	105200094	Hà Tĩnh	20D1	1	7 (C402)	ĐHBK
178	860178	Trần Thế	Lực	03/09/2002	103200199	Quảng Nam	20C4CLC4	1	7 (C402)	ĐHBK
179	860179	Trịnh Hiền	Lương	16/01/2002	105200132	Quảng Nam	20D2	1	7 (C402)	ĐHBK
180	860180	Nguyễn Ngọc	Lượng	22/02/2002	101200176	Quảng Ngãi	20C1C	1	7 (C402)	ĐHBK
181	860181	Dương Thị Hoài	Ly	03/01/2003	118210017	Thừa Thiên Huế	21QLCN1	1	7 (C402)	ĐHBK
182	860182	Phùng Hải	Lý	10/02/2002	107200110	Đà Nẵng	20H2CLC	1	7 (C402)	ĐHBK
183	860183	Trần Thị Thiên	Lý	02/02/2002	118200201	Quảng Nam	20QLCN2	1	7 (C402)	ĐHBK
184	860184	Nguyễn Thị	Mai	21/10/2002	118200151	Quảng Nam	20QLCN1	1	7 (C402)	ĐHBK
185	860185	Trần Quốc	Mãn	11/09/2001	101200110	Hà Tĩnh	20C1B	1	7 (C402)	ĐHBK
186	860186	Nguyễn Văn	Mẫn	29/01/2002	105200096	Quảng Nam	20D1	1	7 (C402)	ĐHBK
187	860187	Lê Xuân	Mẽ	24/04/2001	121190071	Thừa Thiên Huế	19KTCLC2	1	7 (C402)	ĐHBK
188	860188	Ngô Hữu	Minh	26/12/2002	106200060	Quảng Trị	20DT2	1	7 (C402)	ĐHBK
189	860189	Nguyễn Đức	Minh	14/02/2001	103190023	Quảng Nam	19C4CLC1	1	7 (C402)	ĐHBK
190	860190	Lê Thị Như	Mộng	06/05/2001	121190027	Thừa Thiên Huế	19KTCLC1	1	7 (C402)	ĐHBK
191	860191	Phan Thị Thùy	My	15/08/2002	103200257	Quảng Nam	20HTCN	1	7 (C402)	ĐHBK
192	860192	Lê Hoài	Nam	25/04/2001	121190073	Quảng Nam	19KTCLC2	1	7 (C402)	ĐHBK
193	860193	Lê Phương	Nam	11/08/2002	106200135	Quảng Trị	20DTCLC2	1	7 (C402)	ĐHBK
194	860194	Nguyễn Hữu	Nam	02/07/2001	101190105	Nghệ An	19C1B	1	7 (C402)	ĐHBK
195	860195	Nguyễn Phúc	Nam	05/04/2002	111200040	Đà Nẵng	20THXD1	1	7 (C402)	ĐHBK
196	860196	Kiều Thị	Nga	15/03/2001	118190020	Đà Nẵng	19KXCLC1	1	7 (C402)	ĐHBK
197	860197	Lê Thị Thúy	Nga	08/11/2002	107200209	Quảng Nam	20KTHH1	1	8 (C401)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường	
198	860198	Bùi Trần Xuân	Ngân	20/05/2002	107200332	Gia Lai	20KTHH2	1	8 (C401)	ĐHBK
199	860199	Nguyễn Hiếu	Ngân	16/01/2002	107200289	Quảng Ngãi	20SH2	1	8 (C401)	ĐHBK
200	860200	Hoàng Trung	Nghĩa	22/11/2001	105190351	Thanh Hóa	19TDHCLC4	1	8 (C401)	ĐHBK
201	860201	Nguyễn Hữu	Nghĩa	04/10/2000	101180309	Đà Nẵng	18CDTCLC	1	8 (C401)	ĐHBK
202	860202	Võ Văn	Ngọc	16/12/2002	109200091	Quảng Nam	20VLXD	1	8 (C401)	ĐHBK
203	860203	Lê Đức	Ngọc	08/11/2002	105200272	Nghệ An	20DCLC4	1	8 (C401)	ĐHBK
204	860204	Nguyễn Hữu	Ngọc	30/10/2002	107200053	Thừa Thiên Huế	20H2	1	8 (C401)	ĐHBK
205	860205	Nguyễn Thanh Như	Ngọc	22/12/2002	117200045	Quảng Trị	20QLMT	1	8 (C401)	ĐHBK
206	860206	Nguyễn Văn	Ngọc	16/03/1998	110200072	Quảng Nam	20X1B	1	8 (C401)	ĐHBK
207	860207	Trần Thị Bích	Ngọc	01/01/2002	118200207	Quảng Nam	20QLCN2	1	8 (C401)	ĐHBK
208	860208	Trần Thị Yến	Ngọc	10/09/2002	118200107	Thừa Thiên Huế	20KXCLC	1	8 (C401)	ĐHBK
209	860209	Võ Thị Như	Ngọc	14/08/2002	118200108	Quảng Nam	20KXCLC	1	8 (C401)	ĐHBK
210	860210	Võ Thị Thanh	Ngọc	24/04/2001	118190021	Quảng Nam	19KXCLC1	1	8 (C401)	ĐHBK
211	860211	Bùi Thành Cao	Nguyên	09/02/2001	103190070	Đắk Nông	19C4CLC2	1	8 (C401)	ĐHBK
212	860212	Đặng Hoàng Thảo	Nguyên	12/12/2002	123200113	Thừa Thiên Huế	20PFIEV2	1	8 (C401)	ĐHBK
213	860213	Hoàng Phúc	Nguyên	24/10/2003	102210266	Hà Tĩnh	21TCLC_DT4	1	8 (C401)	ĐHBK
214	860214	Lê Đức Trung	Nguyên	25/02/2002	118200055	Hà Tĩnh	20KX	1	8 (C401)	ĐHBK
215	860215	Phùng Xuân	Nguyên	20/06/2002	101200047	Quảng Nam	20C1A	1	8 (C401)	ĐHBK
216	860216	Bùi Quốc	Nhân	27/01/2002	103200165	Quảng Nam	20C4CLC3	1	8 (C401)	ĐHBK
217	860217	Nguyễn Văn	Nhân	27/09/2002	103200094	Quảng Nam	20C4CLC1	1	8 (C401)	ĐHBK
218	860218	Dương Phú	Nhật	15/05/2001	105190203	Đà Nẵng	19TDHCLC1	1	8 (C401)	ĐHBK
219	860219	Hồ Đắc	Nhật	27/04/2002	103200024	Thừa Thiên Huế	20C4A	1	8 (C401)	ĐHBK
220	860220	Hoàng Văn	Nhật	02/01/2002	118200056	Hà Tĩnh	20KX	1	8 (C401)	ĐHBK
221	860221	Lê Xuân Tiến	Nhật	30/06/2003	102210119	Thừa Thiên Huế	21T_DT2	1	8 (C401)	ĐHBK
222	860222	Nguyễn Quý	Nhật	25/05/2002	103200260	Quảng Trị	20HTCN	1	8 (C401)	ĐHBK
223	860223	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	26/08/2002	107200212	Quảng Bình	20KTHH1	1	8 (C401)	ĐHBK
224	860224	Nguyễn Uyên	Nhi	25/03/2002	103200261	Quảng Nam	20HTCN	1	8 (C401)	ĐHBK
225	860225	Lê Đức	Ninh	25/10/2002	118200112	Quảng Bình	20KXCLC	1	8 (C401)	ĐHBK
226	860226	Bùi Thị Kim	Oanh	11/01/2001	118190027	Quảng Trị	19KXCLC1	1	8 (C401)	ĐHBK
227	860227	Lê Thị	Oanh	12/05/2002	118200060	Thừa Thiên Huế	20KX	1	8 (C401)	ĐHBK
228	860228	Nguyễn Ngọc	Oanh	26/08/2002	106200137	Quảng Bình	20DTCLC2	1	8 (C401)	ĐHBK
229	860229	Lâm Văn	Pháp	14/04/2003	111210107	Quảng Ngãi	21THXD2	1	8 (C401)	ĐHBK
230	860230	Lê Phú	Phi	30/10/2002	109200093	Đà Nẵng	20VLXD	1	8 (C401)	ĐHBK
231	860231	Nguyễn Thanh	Phi	11/10/2002	123200075	Quảng Ngãi	20PFIEV2	1	8 (C401)	ĐHBK
232	860232	Nguyễn Xuân	Phi	13/05/2002	110200075	Quảng Bình	20X1B	1	8 (C401)	ĐHBK
233	860233	Phạm Xuân	Phi	07/11/2002	106200064	Hà Tĩnh	20DT2	1	8 (C401)	ĐHBK
234	860234	Đào Văn Hoàng	Phong	15/08/2002	101200235	Quảng Trị	20CDT1	1	8 (C401)	ĐHBK
235	860235	Lê Trung	Phong	05/01/2001	103190073	Quảng Nam	19C4CLC2	1	8 (C401)	ĐHBK
236	860236	Hoàng Phước Vĩnh	Phúc	22/10/2002	105200140	Thừa Thiên Huế	20D2	1	8 (C401)	ĐHBK
237	860237	Huỳnh Minh	Phúc	30/03/2001	101190352	Quảng Nam	19CDTCLC2	1	8 (C401)	ĐHBK
238	860238	Ngô Văn Minh	Phúc	23/09/2001	103190028	Thừa Thiên Huế	19C4CLC1	1	8 (C401)	ĐHBK
239	860239	Nguyễn Đình	Phúc	28/02/2002	106200031	Quảng Nam	20DT1	1	8 (C401)	ĐHBK
240	860240	Nguyễn Trần Minh	Phước	03/07/2000	104180106	Đà Nẵng	18NCLC	1	8 (C401)	ĐHBK
241	860241	Nguyễn Văn	Phước	13/01/2002	101200120	Đà Nẵng	20C1B	1	8 (C401)	ĐHBK
242	860242	Đỗ Quốc Thiên	Phương	11/04/2002	109200138	Quảng Nam	20X3	1	8 (C401)	ĐHBK
243	860243	Ngô Đặng Anh	Quân	28/11/2002	109200042	Quảng Bình	20CSHT	1	8 (C401)	ĐHBK
244	860244	Nguyễn Hữu	Quân	29/09/2002	106200139	Nghệ An	20DTCLC2	1	8 (C401)	ĐHBK
245	860245	Nguyễn Vĩnh	Quân	09/05/2001	101190113	Nghệ An	19C1B	1	8 (C401)	ĐHBK
246	860246	Trịnh Minh	Quân	02/01/2001	101190462	Quảng Trị	19CDTCLC4	1	8 (C401)	ĐHBK
247	860247	Đinh Nhật	Quang	12/11/2002	109200139	Quảng Bình	20X3	1	8 (C401)	ĐHBK
248	860248	Phạm Bá	Quang	30/01/2002	118200212	Thừa Thiên Huế	20QLCN2	1	8 (C401)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
249	860249	Nguyễn Đình	Quốc	03/02/2000	102180093	Nghệ An	18T2	1	9 (C404)	ĐHBK
250	860250	Trần Phú	Quốc	22/08/2002	118200064	Quảng Nam	20KX	1	9 (C404)	ĐHBK
251	860251	Trương Văn	Quốc	06/01/2000	121180081	Đà Nẵng	18KTCLC2	1	9 (C404)	ĐHBK
252	860252	Hoàng Như	Quý	14/08/2001	121190080	Quảng Trị	19KTCLC2	1	9 (C404)	ĐHBK
253	860253	Nguyễn Văn	Quý	12/02/1998	102160259	Nghệ An	16TCLC3	1	9 (C404)	ĐHBK
254	860254	Bùi Công	Quyền	10/11/2002	105200143	Quảng Trị	20D2	1	9 (C404)	ĐHBK
255	860255	Lê Văn	Quyền	16/02/2002	105200310	Thanh Hóa	20TDH1	1	9 (C404)	ĐHBK
256	860256	Nguyễn Văn	Sĩ	14/04/2001	103190031	Quảng Trị	19C4CLC1	1	9 (C404)	ĐHBK
257	860257	Bùi Nguyễn Văn	Son	06/02/2002	118200065	Bình Định	20KX	1	9 (C404)	ĐHBK
258	860258	Hồ Văn	Son	11/12/2001	121190081	Quảng Nam	19KTCLC2	1	9 (C404)	ĐHBK
259	860259	Lê Giá Ngọc	Son	10/01/2002	111200087	Quảng Trị	20THXD2	1	9 (C404)	ĐHBK
260	860260	Lê Quang	Son	10/12/2001	109200098	Quảng Trị	20VLXD	1	9 (C404)	ĐHBK
261	860261	Nguyễn Trường	Son	14/02/1998	102160261	Quảng Nam	16TCLC3	1	9 (C404)	ĐHBK
262	860262	Đỗ Tiến	Sỹ	08/03/2003	118210191	Gia Lai	21QLCN2	1	9 (C404)	ĐHBK
263	860263	Bạch Ngọc Trọng	Tài	27/01/2002	110200077	Thừa Thiên Huế	20X1B	1	9 (C404)	ĐHBK
264	860264	Dương Tấn	Tài	25/03/2002	121200082	Quảng Nam	20KTCLC	1	9 (C404)	ĐHBK
265	860265	Dương Văn	Tài	18/01/2002	101200057	Thừa Thiên Huế	20C1A	1	9 (C404)	ĐHBK
266	860266	Lê Đăng	Tài	04/03/2002	103200100	Quảng Nam	20C4CLC1	1	9 (C404)	ĐHBK
267	860267	Nguyễn Đức	Tài	25/04/2002	103200028	Thừa Thiên Huế	20C4A	1	9 (C404)	ĐHBK
268	860268	Nguyễn Đức	Tài	10/01/2001	103190078	Quảng Nam	19C4CLC2	1	9 (C404)	ĐHBK
269	860269	Nguyễn Phan	Tài	29/05/2002	103200296	Đà Nẵng	20KTTT	1	9 (C404)	ĐHBK
270	860270	Nguyễn Thanh	Tài	25/12/2002	103200063	Quảng Nam	20C4B	1	9 (C404)	ĐHBK
271	860271	Phạm Phú	Tài	20/02/2001	105190311	Quảng Nam	19TDHCLC3	1	9 (C404)	ĐHBK
272	860272	Phạm Thanh	Tài	01/01/2002	103200136	Quảng Nam	20C4CLC2	1	9 (C404)	ĐHBK
273	860273	Trần Công	Tài	31/03/2002	103200267	Quảng Nam	20HTCN	1	9 (C404)	ĐHBK
274	860274	Nguyễn Ngọc Bảo	Tâm	01/01/2002	105200211	Gia Lai	20DCLC2	1	9 (C404)	ĐHBK
275	860275	Nguyễn Hoàng	Tân	20/01/2003	101210190	Quảng Ngãi	21C1C	1	9 (C404)	ĐHBK
276	860276	Nguyễn Minh	Tánh	26/10/2002	109200143	Bình Định	20X3	1	9 (C404)	ĐHBK
277	860277	Nguyễn Công	Tạo	02/06/2002	103200064	Nghệ An	20C4B	1	9 (C404)	ĐHBK
278	860278	Đinh Nhật	Tây	18/12/2002	103200269	Quảng Nam	20HTCN	1	9 (C404)	ĐHBK
279	860279	Lương Quang	Thạch	14/07/2002	103200030	Quảng Ngãi	20C4A	1	9 (C404)	ĐHBK
280	860280	Trương Ngọc	Thạch	16/06/2002	104200031	Đà Nẵng	20N	1	9 (C404)	ĐHBK
281	860281	Dương Văn	Thái	19/09/2002	103200211	Quảng Nam	20C4CLC4	1	9 (C404)	ĐHBK
282	860282	Đặng Đức	Thắng	27/09/2002	105200176	Gia Lai	20DCLC1	1	9 (C404)	ĐHBK
283	860283	Đặng Quốc	Thắng	26/01/2001	103190079	Bình Định	19C4CLC2	1	9 (C404)	ĐHBK
284	860284	Nguyễn Long	Thắng	19/03/2000	121180083	Quảng Nam	18KTCLC2	1	9 (C404)	ĐHBK
285	860285	Nguyễn Văn	Thắng	23/02/2003	102210307	Thừa Thiên Huế	21TCLC_KHDL	1	9 (C404)	ĐHBK
286	860286	Trần Đức	Thắng	29/03/2002	101200060	Quảng Trị	20C1A	1	9 (C404)	ĐHBK
287	860287	Trần Văn	Thắng	10/01/2002	101200195	Hà Tĩnh	20C1C	1	9 (C404)	ĐHBK
288	860288	Trần Văn	Thắng	16/10/2000	105180434	Hà Tĩnh	18TDHCLC1	1	9 (C404)	ĐHBK
289	860289	Nguyễn Mậu	Thanh	13/02/2006	123240143		24PFIEV1	1	9 (C404)	ĐHBK
290	860290	Nguyễn Phước	Thanh	09/11/2002	110200118	Quảng Nam	20X1CLC1	1	9 (C404)	ĐHBK
291	860291	Trương Thị	Thanh	23/10/2001	107200341	Đà Nẵng	20KTHH2	1	9 (C404)	ĐHBK
292	860292	Đặng Văn	Thành	17/09/2002	103200212	Đà Nẵng	20C4CLC4	1	9 (C404)	ĐHBK
293	860293	Nguyễn Đức Gia	Thành	02/08/2002	102200113	Quảng Trị	20TCLC_DT2	1	9 (C404)	ĐHBK
294	860294	Trần Minh	Thành	05/03/2002	105200109	Thừa Thiên Huế	20D1	1	9 (C404)	ĐHBK
295	860295	Bùi Lê Phú	Thạnh	06/07/2002	109200048	Quảng Ngãi	20CSHT	1	9 (C404)	ĐHBK
296	860296	Nguyễn Bá	Thạnh	15/01/2000	107190137	Thừa Thiên Huế	19H5CLC	1	9 (C404)	ĐHBK
297	860297	Bùi Thanh	Thảo	01/06/2002	118200125	Quảng Nam	20KXCLC	1	9 (C404)	ĐHBK
298	860298	Lương Văn	Thảo	04/01/2002	117210026	Quảng Nam	21QLMT	1	9 (C404)	ĐHBK
299	860299	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	02/01/2002	117200053	Quảng Nam	20QLMT	1	9 (C404)	ĐHBK

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
300	860300	Nguyễn Đình	Thế	16/03/2002	107200221	Quảng Bình	20KTHH1	1	9 (C404)	ĐHBK
301	860301	Trần Quý	Thế	03/10/2002	111200051	Đà Nẵng	20THXD1	2	10 (A401)	ĐHBK
302	860302	Võ Văn	Thế	16/08/2001	103190035	Quảng Ngãi	19C4CLC1	2	10 (A401)	ĐHBK
303	860303	Ngô Quang	Thiện	30/08/2001	104190036	Quảng Ngãi	19NCLC	2	10 (A401)	ĐHBK
304	860304	Nguyễn Chính	Thiện	14/09/2002	106200038	Quảng Trị	20DT1	2	10 (A401)	ĐHBK
305	860305	Nguyễn Như Hoàng	Thiện	25/09/2002	105200214	Quảng Nam	20DCLC2	2	10 (A401)	ĐHBK
306	860306	Đỗ Thế	Thìn	16/09/2000	121180086	Quảng Nam	18KTCLC2	2	10 (A401)	ĐHBK
307	860307	Đặng Xuân	Thịnh	09/02/1997	103180176	Quảng Nam	18C4CLC	2	10 (A401)	ĐHBK
308	860308	Tăng Hiều	Thịnh	26/05/2001	105190427	Quảng Nam	19TDHCLC5	2	10 (A401)	ĐHBK
309	860309	Ngô	Thọ	16/06/2002	101200131	Thừa Thiên Huế	20C1B	2	10 (A401)	ĐHBK
310	860310	Nguyễn Nhã	Thọ	03/04/2002	105200215	Nghệ An	20DCLC2	2	10 (A401)	ĐHBK
311	860311	Nguyễn Phúc	Thọ	20/02/2002	101200246	Nghệ An	20CDT1	2	10 (A401)	ĐHBK
312	860312	Nguyễn Văn	Thọ	29/10/2002	105200314	Thừa Thiên Huế	20TDH1	2	10 (A401)	ĐHBK
313	860313	Nguyễn Xuân	Thọ	20/08/2002	101200198	Hà Tĩnh	20C1C	2	10 (A401)	ĐHBK
314	860314	Đào Minh	Thông	06/12/2002	103200032	Thừa Thiên Huế	20C4A	2	10 (A401)	ĐHBK
315	860315	Nguyễn Việt	Thông	06/06/2002	103200067	Quảng Nam	20C4B	2	10 (A401)	ĐHBK
316	860316	Nguyễn Thanh	Thông	04/02/2002	101200132	Quảng Ngãi	20C1B	2	10 (A401)	ĐHBK
317	860317	Nguyễn Thị Kim	Thu	25/06/2002	118200219	Quảng Ngãi	20QLCN2	2	10 (A401)	ĐHBK
318	860318	Đào Văn	Thuần	12/04/2002	109200149	Quảng Trị	20X3	2	10 (A401)	ĐHBK
319	860319	Cao Hữu	Thuận	17/11/1999	102170252	Quảng Trị	17TCLC1	2	10 (A401)	ĐHBK
320	860320	Nguyễn Trung	Thực	05/11/2002	101200464	Quảng Trị	20CKHK	2	10 (A401)	ĐHBK
321	860321	Lương Thị	Thương	05/02/2002	107200071	Nghệ An	20H2	2	10 (A401)	ĐHBK
322	860322	Nguyễn Văn	Thương	14/06/2002	118200071	Đà Nẵng	20KX	2	10 (A401)	ĐHBK
323	860323	Trần Thị	Thương	11/03/2002	118200072	Quảng Nam	20KX	2	10 (A401)	ĐHBK
324	860324	Đặng Minh	Thùy	16/03/2002	110200046	Quảng Ngãi	20X1A	2	10 (A401)	ĐHBK
325	860325	Trà Thị Thanh	Thúy	30/08/2002	107200223	Quảng Nam	20KTHH1	2	10 (A401)	ĐHBK
326	860326	Cao Đình	Tiên	14/12/2002	110200080	Quảng Nam	20X1B	2	10 (A401)	ĐHBK
327	860327	Lê Thị Cẩm	Tiên	22/06/1999	121170091		17KTCLC2	2	10 (A401)	ĐHBK
328	860328	Nguyễn Ngọc Cát	Tiên	15/04/2002	121200044	Đà Nẵng	20KT	2	10 (A401)	ĐHBK
329	860329	Hồ Văn	Tiến	15/08/2001	109190064	Quảng Ngãi	19X3CLC	2	11 (A402)	ĐHBK
330	860330	Lê Chí	Tiến	20/10/2000	103190173	Quảng Bình	19C4CLC4	2	11 (A402)	ĐHBK
331	860331	Lê Văn	Tiến	19/07/2002	105200180	Nghệ An	20DCLC1	2	11 (A402)	ĐHBK
332	860332	Nguyễn Văn	Tiến	25/07/2002	111200054	Gia Lai	20THXD1	2	11 (A402)	ĐHBK
333	860333	Phan Minh	Tiến	12/12/2001	103190129	Đà Nẵng	19C4CLC3	2	11 (A402)	ĐHBK
334	860334	Nguyễn Công	Tính	17/04/2002	110200049	Quảng Nam	20X1A	2	11 (A402)	ĐHBK
335	860335	Thân Trọng	Tính	19/08/2003	107210232	Quảng Nam	21KTHH1	2	11 (A402)	ĐHBK
336	860336	Nguyễn Đình	Tinh	26/10/2002	111200095	Nghệ An	20THXD2	2	11 (A402)	ĐHBK
337	860337	Trần Thị	Tinh	11/03/2002	118200075	Quảng Nam	20KX	2	11 (A402)	ĐHBK
338	860338	Trương Anh	Tĩnh	24/05/2002	109200151	Quảng Ngãi	20X3	2	11 (A402)	ĐHBK
339	860339	Bùi Văn	Tĩnh	16/11/2002	109200101	Quảng Nam	20VLXD	2	11 (A402)	ĐHBK
340	860340	Phan Thanh	Toàn	09/06/1998	110160127	Quảng Nam	16X1A	2	11 (A402)	ĐHBK
341	860341	Nguyễn Hữu	Trà	11/02/2002	110200084	Nghệ An	20X1B	2	11 (A402)	ĐHBK
342	860342	Võ Mỹ Hồng	Trà	05/08/2002	118200128	Quảng Ngãi	20KXCLC	2	11 (A402)	ĐHBK
343	860343	Nguyễn Trần Hoài	Trâm	26/08/2002	118200222	Quảng Nam	20QLCN2	2	11 (A402)	ĐHBK
344	860344	Hoàng Thị Thùy	Trang	03/10/2002	107200076	Đà Nẵng	20H2	2	11 (A402)	ĐHBK
345	860345	Lê Việt	Trí	22/05/2001	106190040	Đà Nẵng	19DTCLC1	2	11 (A402)	ĐHBK
346	860346	Phạm Hoàn Phương	Trình	12/05/2002	107200349	Đà Nẵng	20KTHH2	2	11 (A402)	ĐHBK
347	860347	Huỳnh Thiên	Trình	10/10/2002	101200204	Thừa Thiên Huế	20C1C	2	11 (A402)	ĐHBK
348	860348	Võ Bá	Trình	19/07/2003	101210150	Quảng Ngãi	21C1B	2	11 (A402)	ĐHBK
349	860349	Đỗ Lương	Trọng	26/03/2002	109200103	Quảng Nam	20VLXD	2	11 (A402)	ĐHBK
350	860350	Lê Quốc	Trọng	25/10/2002	103200214	Quảng Ngãi	20C4CLC4	2	11 (A402)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
351	860351	Phạm Văn Trọng	10/10/2002	102200237	Hà Tĩnh	20TCLC DT5	2	11 (A402)	ĐHBK
352	860352	Ngô Việt Trung	07/07/2002	103200272	Hà Tĩnh	20HTCN	2	11 (A402)	ĐHBK
353	860353	Nguyễn Anh Trung	01/11/2002	105200218	Hà Tĩnh	20DCLC2	2	11 (A402)	ĐHBK
354	860354	Nguyễn Quốc Trung	05/02/2002	109200105	Quảng Nam	20VLXD	2	11 (A402)	ĐHBK
355	860355	Nguyễn Văn Trung	20/12/2002	106200077	Quảng Nam	20DT2	2	11 (A402)	ĐHBK
356	860356	Lê Anh Trường	10/02/2002	118200130	Hà Tĩnh	20KXCLC	2	11 (A402)	ĐHBK
357	860357	Nguyễn Anh Trường	02/04/2002	109200106	Thừa Thiên Huế	20VLXD	2	12 (A403)	ĐHBK
358	860358	Nguyễn Đăng Trường	28/07/2002	110200086	Quảng Nam	20X1B	2	12 (A403)	ĐHBK
359	860359	Nguyễn Nhật Trường	18/11/2001	107190109	Thừa Thiên Huế	19H2CLC2	2	12 (A403)	ĐHBK
360	860360	Nguyễn Quang Trường	18/08/2001	110190117	Quảng Nam	19X1CLC3	2	12 (A403)	ĐHBK
361	860361	Võ Thanh Trường	04/04/2001	105190041	Quảng Nam	19DCLC1	2	12 (A403)	ĐHBK
362	860362	Đoàn Minh Tú	30/05/2002	103200215	Quảng Ngãi	20C4CLC4	2	12 (A403)	ĐHBK
363	860363	Nguyễn Công Hoàng Tú	26/01/2002	101200206	Quảng Nam	20C1C	2	12 (A403)	ĐHBK
364	860364	Lê Anh Tư	16/04/2003	101210200	Hà Tĩnh	21C1C	2	12 (A403)	ĐHBK
365	860365	Nguyễn Phước Tuấn	15/09/2002	118200177	Quảng Trị	20QLCN1	2	12 (A403)	ĐHBK
366	860366	Đinh Việt Tuấn	06/01/2002	103200273	Hà Tĩnh	20HTCN	2	12 (A403)	ĐHBK
367	860367	Lê Ngọc Tuấn	08/09/2001	105190371	Thanh Hóa	19TDHCLC4	2	12 (A403)	ĐHBK
368	860368	Lê Văn Tuấn	19/03/2002	103200216	Đà Nẵng	20C4CLC4	2	12 (A403)	ĐHBK
369	860369	Nguyễn Tuấn	28/01/2002	106200078	Thừa Thiên Huế	20DT2	2	12 (A403)	ĐHBK
370	860370	Nguyễn Anh Tuấn	26/03/2002	103200107	Quảng Ngãi	20C4CLC1	2	12 (A403)	ĐHBK
371	860371	Nguyễn Anh Tuấn	08/09/2001	105190222	Hà Tĩnh	19TDHCLC1	2	12 (A403)	ĐHBK
372	860372	Nguyễn Văn Tuấn	23/02/2002	118200230	Hà Tĩnh	20QLCN2	2	12 (A403)	ĐHBK
373	860373	Trần Anh Tuấn	28/02/2001	101200208	Quảng Bình	20C1C	2	12 (A403)	ĐHBK
374	860374	Trần Anh Tuấn	06/02/2002	103200143	Nghệ An	20C4CLC2	2	12 (A403)	ĐHBK
375	860375	Trần Công Tuấn	18/07/2002	121200052	Đà Nẵng	20KT	2	12 (A403)	ĐHBK
376	860376	Nguyễn Văn Phương Tùng	08/10/2002	103200217	Quảng Nam	20C4CLC4	2	12 (A403)	ĐHBK
377	860377	Nguyễn Văn Thanh Tùng	01/08/2002	111200059	Quảng Nam	20THXD1	2	12 (A403)	ĐHBK
378	860378	Trần Thị Thanh Tùng	04/10/2001	106190185	Quảng Nam	19DTCLC4	2	12 (A403)	ĐHBK
379	860379	Huỳnh Thị Cát Tường	19/07/2002	118200079	Quảng Nam	20KX	2	12 (A403)	ĐHBK
380	860380	Nguyễn Ngọc Tuyên	17/01/2001	106190045	Đà Nẵng	19DTCLC1	2	12 (A403)	ĐHBK
381	860381	Trần Thị Thảo Uyên	02/02/2002	118200231	Quảng Nam	20QLCN2	2	12 (A403)	ĐHBK
382	860382	Nguyễn Thị Thảo Vân	11/09/2002	118200080	Quảng Nam	20KX	2	12 (A403)	ĐHBK
383	860383	Nguyễn Thị Tường Vân	06/12/2003	117210031	Đà Nẵng	21QLMT	2	12 (A403)	ĐHBK
384	860384	Nguyễn Đức Vệ	21/07/2001	103190090	Quảng Nam	19C4CLC2	2	12 (A403)	ĐHBK
385	860385	Lê Kiều Vi	28/02/2002	107200137	Bình Định	20H2CLC	2	13 (B401)	ĐHBK
386	860386	Nguyễn Thị Hồng Vi	03/03/2002	107200081	Quảng Ngãi	20H2	2	13 (B401)	ĐHBK
387	860387	Trần Lê Phương Vi	24/12/2002	107200352	Gia Lai	20KTHH2	2	13 (B401)	ĐHBK
388	860388	Nguyễn Sư Nhật Vĩ	21/02/2001	103190135	Quảng Nam	19C4CLC3	2	13 (B401)	ĐHBK
389	860389	Nguyễn Bá Viện	17/02/2002	118200181	Quảng Trị	20QLCN1	2	13 (B401)	ĐHBK
390	860390	Hoàng Quốc Việt	01/09/2001	101190317	Quảng Bình	19CDTCLC1	2	13 (B401)	ĐHBK
391	860391	Nguyễn Bảo Việt	25/10/2002	101200210	Quảng Nam	20C1C	2	13 (B401)	ĐHBK
392	860392	Nguyễn Thị Việt	06/07/2003	103210080	Quảng Ngãi	21HTCN	2	13 (B401)	ĐHBK
393	860393	Trần Quốc Việt	16/01/2002	105200114	Quảng Ngãi	20D1	2	13 (B401)	ĐHBK
394	860394	Đào Quang Vinh	22/05/2002	110200172	Quảng Nam	20X1CLC2	2	13 (B401)	ĐHBK
395	860395	Lê Đức Vinh	11/05/1999	106170277	Nghệ An	17DTCLC	2	13 (B401)	ĐHBK
396	860396	Nguyễn Tấn Vinh	15/11/2002	107200230	Quảng Ngãi	20KTHH1	2	13 (B401)	ĐHBK
397	860397	Lê Hoàng Vũ	09/10/2001	106190187	Hà Tĩnh	19DTCLC4	2	13 (B401)	ĐHBK
398	860398	Lê Tiến Vũ	28/05/2000	106180230	Thừa Thiên Huế	18DTCLC	2	13 (B401)	ĐHBK
399	860399	Nguyễn Trường Vũ	26/11/2002	103200070	Quảng Nam	20C4B	2	13 (B401)	ĐHBK
400	860400	Nguyễn Văn Vũ	07/09/2002	103200036	Thừa Thiên Huế	20C4A	2	13 (B401)	ĐHBK
401	860401	Võ Đại Vũ	30/09/2002	103200071	Thừa Thiên Huế	20C4B	2	13 (B401)	ĐHBK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
402	860402	Hồ Văn Vững	17/03/2002	109200058	Thừa Thiên Huế	20CSHT	2	13 (B401)	ĐHBK
403	860403	Nguyễn Duy Vương	06/06/2002	118200082	Đà Nẵng	20KX	2	13 (B401)	ĐHBK
404	860404	Lê Thị Thanh Vy	13/04/2002	117200061	Quảng Nam	20QLMT	2	13 (B401)	ĐHBK
405	860405	Nguyễn Thị Tường Vy	07/03/2002	107200139	Quảng Nam	20H2CLC	2	13 (B401)	ĐHBK
406	860406	Nguyễn Trần Thảo Vy	04/05/2001	109210060	Đà Nẵng	21VLXD	2	13 (B401)	ĐHBK
407	860407	Đặng Lê Duy Vỹ	10/03/2001	121190091	Đà Nẵng	19KTCLC2	2	13 (B401)	ĐHBK
408	860408	Đỗ Vỹ	05/12/2000	121180096	Quảng Nam	18KTCLC2	2	13 (B401)	ĐHBK
409	860409	Mai Ngọc Vỹ	05/10/2002	101200340	Gia Lai	20CDTCLC1	2	13 (B401)	ĐHBK
410	860410	Nguyễn Đức Minh Ý	06/08/1998	109170130	Quảng Nam	17X3CLC	2	13 (B401)	ĐHBK
411	860411	Nguyễn Hoàng Ý	20/07/2002	103200038	Quảng Ngãi	20C4A	2	13 (B401)	ĐHBK
412	860412	Võ Như Ý	17/12/2002	103200073	Quảng Trị	20C4B	2	13 (B401)	ĐHBK
413	860413	Doãn Thị Mai An	22/04/2003	211121006301	Quảng Nam	47K06.3	2	14 (B402)	ĐHKT
414	860414	Nguyễn Phước Bình An	05/12/2003	211121703101	Đà Nẵng	47K03.1	2	14 (B402)	ĐHKT
415	860415	Trương Thị Thúy An	14/01/2003	211121018302	Quảng Nam	47K18.3	2	14 (B402)	ĐHKT
416	860416	Võ Hồ An	23/01/2003	211121330101	Quảng Nam	47K30	2	14 (B402)	ĐHKT
417	860417	Phan Diệu Anh	05/08/2003	211121703202	Nghệ An	47K03.2	2	14 (B402)	ĐHKT
418	860418	Dương Thị Minh Châu	08/07/2003	211123012108	Quảng Bình	47K12	2	14 (B402)	ĐHKT
419	860419	Đỗ Thị Kim Chi	22/12/2003	211121325204	Quảng Nam	47K25.2	2	14 (B402)	ĐHKT
420	860420	Vũ Phương Chi	12/10/2003	211121018209	Quảng Trị	47K18.2	2	14 (B402)	ĐHKT
421	860421	Nguyễn Văn Cừ	25/03/2003	211122016104	Nghệ An	47K16	2	14 (B402)	ĐHKT
422	860422	Nguyễn Thị Dung	01/09/2003	211121006509	Hà Tĩnh	47K06.5	2	14 (B402)	ĐHKT
423	860423	Nguyễn Hà Mỹ Duyên	20/08/2003	211122015310	Quảng Nam	47K15.3	2	14 (B402)	ĐHKT
424	860424	Nguyễn Thị Thùy Duyên	16/12/2003	211121703212	Quảng Nam	47K03.2	2	14 (B402)	ĐHKT
425	860425	Trương Thị Mỹ Duyên	25/12/2003	211121006311	Quảng Trị	47K06.3	2	14 (B402)	ĐHKT
426	860426	Nguyễn Thị Thùy Giang	20/05/2003	211121120116	Nghệ An	47K20	2	14 (B402)	ĐHKT
427	860427	Nguyễn Thị Thu Hà	16/01/2003	211121325211	Đắk Lắk	47K25.2	2	14 (B402)	ĐHKT
428	860428	Trần Thị Hạ	10/05/2003	211121325311	Quảng Nam	47K25.3	2	14 (B402)	ĐHKT
429	860429	Chế Mậu Hành	26/03/2002	211121514117	Đà Nẵng	47K14	2	14 (B402)	ĐHKT
430	860430	Đinh Thị Hạnh	12/01/2003	211121703219	Gia Lai	47K03.2	2	14 (B402)	ĐHKT
431	860431	Lê Văn Hiếu	25/04/2003	211121330115	Đắk Nông	47K30	2	14 (B402)	ĐHKT
432	860432	Nguyễn Văn Hiếu	29/06/2003	211121514119	Đà Nẵng	47K14	2	14 (B402)	ĐHKT
433	860433	Phạm Thị Mai Hoa	03/04/2003	211124008312	Nghệ An	47K08.3	2	14 (B402)	ĐHKT
434	860434	Mai Thanh Hoà	10/07/2003	211121325215	Quảng Bình	47K25.2	2	14 (B402)	ĐHKT
435	860435	Hồ Thị Hòa	20/03/2003	211121325315	Quảng Ngãi	47K25.3	2	14 (B402)	ĐHKT
436	860436	Nguyễn Thị Bích Huệ	04/06/2003	211121120122	Đà Nẵng	47K20	2	14 (B402)	ĐHKT
437	860437	Nguyễn Quốc Hùng	29/04/2003	211121330120	Quảng Trị	47K30	2	14 (B402)	ĐHKT
438	860438	Trần Diễm Hương	10/12/2003	211122016107	Quảng Nam	47K16	2	14 (B402)	ĐHKT
439	860439	Dương Thị Thu Hường	24/02/2003	211121407212	Đà Nẵng	47K07.2	2	14 (B402)	ĐHKT
440	860440	Nguyễn Khánh Huyền	09/10/2003	211121132218	Quảng Trị	47K32.2	2	14 (B402)	ĐHKT
441	860441	Nguyễn Thị Thu Huyền	15/08/2001	191120913217	Quảng Nam	45K13.2	2	15 (B403)	ĐHKT
442	860442	Đặng Hoàng Bảo Khanh	19/02/2003	211121514128	Đà Nẵng	47K14	2	15 (B403)	ĐHKT
443	860443	Hồ Thị Kiều	03/01/2003	211121703224	Quảng Nam	47K03.2	2	15 (B403)	ĐHKT
444	860444	Nguyễn Thị Mai Lan	12/09/2003	211121521221	Hà Tĩnh	47K21.2	2	15 (B403)	ĐHKT
445	860445	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	04/06/2003	211121120132	Quảng Ngãi	47K20	2	15 (B403)	ĐHKT
446	860446	Bùi Thị Mỹ Liên	29/06/2003	211121018225	Quảng Nam	47K18.2	2	15 (B403)	ĐHKT
447	860447	Đậu Văn Linh	19/05/2003	211121132123	Hà Tĩnh	47K32.1	2	15 (B403)	ĐHKT
448	860448	Nguyễn Thị Trúc Linh	08/03/2003	211121006324	Phú Yên	47K06.3	2	15 (B403)	ĐHKT
449	860449	Nguyễn Thị Ngọc Loan	11/03/2003	211123031322	Quảng Nam	47K31.3	2	15 (B403)	ĐHKT
450	860450	Nguyễn Thị Mỹ Lợi	06/05/2003	211121703230	Quảng Bình	47K03.2	2	15 (B403)	ĐHKT
451	860451	Nguyễn Thị Phương Mai	24/07/2003	211121018227	Hà Tĩnh	47K18.2	2	15 (B403)	ĐHKT
452	860452	Vương Thị Mai	26/04/2002	201120919138	Hà Tĩnh	46K19	2	15 (B403)	ĐHKT

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
453	860453	Đỗ Thị Vy	Na	15/06/2003	211121132129	Quảng Ngãi	47K32.1	2	15 (B403)	ĐHKT
454	860454	Nguyễn Thị Ni	Na	13/01/2003	211124008222	Quảng Nam	47K08.2	2	15 (B403)	ĐHKT
455	860455	Phạm Thị	Na	07/11/2003	211121325230	Quảng Nam	47K25.2	2	15 (B403)	ĐHKT
456	860456	Phạm Thị Ly	Na	04/09/2003	211121703237	Quảng Nam	47K03.2	2	15 (B403)	ĐHKT
457	860457	Nguyễn Phương	Nga	11/07/2003	211121514131	Quảng Nam	47K14	2	15 (B403)	ĐHKT
458	860458	Hoàng Thị Thúy	Ngân	04/03/2003	211121120144	Quảng Trị	47K20	2	15 (B403)	ĐHKT
459	860459	Trần Thị	Ngân	26/04/2003	211121132230	Nghệ An	47K32.2	2	15 (B403)	ĐHKT
460	860460	Hoàng Phan Bảo	Ngọc	22/03/2003	211120913234	Quảng Bình	47K13.2	2	15 (B403)	ĐHKT
461	860461	Lê Phúc	Nguyên	12/03/2006	241121723326	Quảng Nam	50K23.3	2	15 (B403)	ĐHKT
462	860462	Võ Lê Anh	Nhật	10/01/2003	211121514140	Bình Định	47K14	2	15 (B403)	ĐHKT
463	860463	Bùi Thảo	Nhi	11/10/2003	211120913236	Thừa Thiên Huế	47K13.2	2	15 (B403)	ĐHKT
464	860464	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Nhi	20/10/2003	211121407118	Tp. Hồ Chí Minh	47K07.1	2	15 (B403)	ĐHKT
465	860465	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	23/09/2003	211120913137	Đà Nẵng	47K13.1	2	15 (B403)	ĐHKT
466	860466	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	14/10/2003	211121018128	Quảng Nam	47K18.1	2	15 (B403)	ĐHKT
467	860467	Phạm Thị Ý	Nhi	06/09/2003	211120913238	Quảng Nam	47K13.2	2	15 (B403)	ĐHKT
468	860468	Trần Thị Ngọc	Nhi	02/01/2001	191121104231	Gia Lai	45K04.2	2	15 (B403)	ĐHKT
469	860469	Võ Thị Ánh	Nhi	26/01/2003	211121330136	Đà Nẵng	47K30	2	16 (C402)	ĐHKT
470	860470	Nguyễn Thị Hoàng	Như	20/08/2003	211121514144	Quảng Nam	47K14	2	16 (C402)	ĐHKT
471	860471	Trần Thị Huỳnh	Như	16/04/2003	211122016112	Quảng Nam	47K16	2	16 (C402)	ĐHKT
472	860472	Cao Lê Thị Tuyết	Nhung	12/03/2003	211121514145	Thanh Hóa	47K14	2	16 (C402)	ĐHKT
473	860473	Lê Thị Kiều	Nhung	29/11/2003	211121325236	Thừa Thiên Huế	47K25.2	2	16 (C402)	ĐHKT
474	860474	Nguyễn Thị Kim	Oanh	01/01/2000	181121521227	Nghệ An	44K21.2	2	16 (C402)	ĐHKT
475	860475	Hứa Nguyễn Thái	Phi	01/07/2003	211120919144	Đà Nẵng	47K19	2	16 (C402)	ĐHKT
476	860476	Võ Như Hồng	Phúc	18/11/2003	211121325239	Quảng Nam	47K25.2	2	16 (C402)	ĐHKT
477	860477	Lê Thanh	Phương	12/10/2003	211124029228	Quảng Nam	47K29.2	2	16 (C402)	ĐHKT
478	860478	Lê Thị Uyên	Phương	18/09/2003	211120919148	Đà Nẵng	47K19	2	16 (C402)	ĐHKT
479	860479	Trần Thị Ngọc	Phương	04/10/2003	211121120154	Quảng Nam	47K20	2	16 (C402)	ĐHKT
480	860480	Võ Thị Xuân	Phương	21/12/2003	211121302232	Phú Yên	47K02.2	2	16 (C402)	ĐHKT
481	860481	Nguyễn Thị Minh	Phượng	13/11/2003	211124029129	Quảng Nam	47K29.1	2	16 (C402)	ĐHKT
482	860482	Võ Thanh	Quang	21/01/1997	151120913162	Quảng Trị	41K20	2	16 (C402)	ĐHKT
483	860483	Lê Trần Khánh	Quỳnh	21/11/2003	211120919151	Đà Nẵng	47K19	2	16 (C402)	ĐHKT
484	860484	Nguyễn Hương Diễm	Quỳnh	06/01/2003	211124008330	Quảng Ngãi	47K08.3	2	16 (C402)	ĐHKT
485	860485	Võ Thị Như	Quỳnh	05/07/2003	211121132242	Hà Tĩnh	47K32.2	2	16 (C402)	ĐHKT
486	860486	Huỳnh Thế	Son	05/04/2003	211121703134	Quảng Nam	47K03.1	2	16 (C402)	ĐHKT
487	860487	Nguyễn Thị Hoài	Sương	25/10/2003	211121006341	Nghệ An	47K06.3	2	16 (C402)	ĐHKT
488	860488	Nguyễn Đức Việt	Thái	30/11/2003	211121514151	Quảng Trị	47K14	2	16 (C402)	ĐHKT
489	860489	Nguyễn Đức	Thắng	12/04/2002	211121521141	Nghệ An	47K21.1	2	16 (C402)	ĐHKT
490	860490	Nguy Thị	Thảo	30/07/2003	211121006343	Nghệ An	47K06.3	2	16 (C402)	ĐHKT
491	860491	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30/12/2003	211124008235	Nghệ An	47K08.2	2	16 (C402)	ĐHKT
492	860492	Phạm Lê Thanh	Thảo	11/05/1999	171122015133	Quảng Nam	43K15.1	2	16 (C402)	ĐHKT
493	860493	Nguyễn Minh Anh	Thông	05/01/2003	211122016114	Quảng Nam	47K16	2	16 (C402)	ĐHKT
494	860494	Phạm Thị Minh	Thư	03/12/2003	211121723131	Đà Nẵng	47K23.1	2	16 (C402)	ĐHKT
495	860495	Phạm Thị	Thương	26/06/2003	211121514155	Hà Tĩnh	47K14	2	16 (C402)	ĐHKT
496	860496	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	13/04/2003	211121317158	Quảng Nam	47K17	2	16 (C402)	ĐHKT
497	860497	Lê Thị Diễm	Thùy	25/04/2003	211123028139	Thừa Thiên Huế	47K28.1	2	17 (C401)	ĐHKT
498	860498	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	10/03/2003	211124022250	Quảng Nam	47K22.2	2	17 (C401)	ĐHKT
499	860499	Phạm Thị Thảo	Tính	12/03/2003	211120913255	Quảng Ngãi	47K13.2	2	17 (C401)	ĐHKT
500	860500	Trần Thanh	Toàn	15/11/2003	211121325255	Cà Mau	47K25.2	2	17 (C401)	ĐHKT
501	860501	Đặng Thị Ngọc	Trâm	23/10/2003	211124022252	Nghệ An	47K22.2	2	17 (C401)	ĐHKT
502	860502	Nguyễn Thị Bích	Trâm	24/02/2003	211123031351	Quảng Trị	47K31.3	2	17 (C401)	ĐHKT
503	860503	Nguyễn Thị Tuyết	Trâm	22/10/2003	211121120166	Bình Định	47K20	2	17 (C401)	ĐHKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
504	860504	Đỗ Nguyễn Thu Trân	15/02/2003	211121723336	Đà Nẵng	47K23.3	2	17 (C401)	ĐHKT
505	860505	Nguyễn Thị Kiều Trang	25/06/2003	211121018350	Kon Tum	47K18.3	2	17 (C401)	ĐHKT
506	860506	Thái Thị Mỹ Trang	26/02/2003	211121120168	Bình Định	47K20	2	17 (C401)	ĐHKT
507	860507	Trương Thị Hòa Trang	30/03/2003	211123031254	Quảng Nam	47K31.2	2	17 (C401)	ĐHKT
508	860508	Trần Quốc Trung	03/09/2003	211121723239	Quảng Nam	47K23.2	2	17 (C401)	ĐHKT
509	860509	Phạm Thị Tường	19/02/2003	211121317165	Quảng Nam	47K17	2	17 (C401)	ĐHKT
510	860510	Nguyễn Thị Tuyết	18/04/2003	211121521252	Quảng Nam	47K21.2	2	17 (C401)	ĐHKT
511	860511	Nguyễn Huỳnh Phương Uyên	11/08/2003	211121330160	Đà Nẵng	47K30	2	17 (C401)	ĐHKT
512	860512	Phan Tố Uyên	29/07/2003	211121006553	Thừa Thiên Huế	47K06.5	2	17 (C401)	ĐHKT
513	860513	Huỳnh Thị Hoàng Vy	24/03/2001	191121104161	Quảng Nam	45K04.1	2	17 (C401)	ĐHKT
514	860514	Kiều Thị Tường Vy	24/06/2003	211121703261	Quảng Ngãi	47K03.2	2	17 (C401)	ĐHKT
515	860515	Võ Thị Ngọc Vy	03/08/2003	211120919176	Quảng Nam	47K19	2	17 (C401)	ĐHKT
516	860516	Tô Hương Vỹ	11/04/2003	211121325363	Bình Định	47K25.3	2	17 (C401)	ĐHKT
517	860517	Phan Thị Thanh Xinh	04/04/2003	211123031260	Quảng Nam	47K31.2	2	17 (C401)	ĐHKT
518	860518	Võ Như Ý	17/02/2003	211123028254	Quảng Ngãi	47K28.2	2	17 (C401)	ĐHKT
519	860519	Ngô Thị Yển	08/10/2000	211121325264	Thừa Thiên Huế	47K25.2	2	17 (C401)	ĐHKT
520	860520	Trần Thị Kim Yển	03/10/2003	211121006257	Quảng Trị	47K06.2	2	17 (C401)	ĐHKT
521	860521	Phan Hà An	01/12/2005	3220123003		23STH5	2	17 (C401)	ĐHSP
522	860522	Hoàng Vũ Linh Anh	07/09/2003	3140721094		21SKT2	2	17 (C401)	ĐHSP
523	860523	Lê Thị Thúy Anh	08/04/2004	3220122010		22STH1	2	17 (C401)	ĐHSP
524	860524	Nguyễn Thị Minh Anh	18/10/2003	3180521018		21CLS	2	17 (C401)	ĐHSP
525	860525	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/08/2005	3220123027		23STH6	2	17 (C401)	ĐHSP
526	860526	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	21/11/2003	3220121283		21STH6	2	17 (C401)	ĐHSP
527	860527	Ngô Châu Băng	12/12/2003	3200221007		21CTL2	2	17 (C401)	ĐHSP
528	860528	Nguyễn Gia Bảo	06/06/2003	3120221340		21CNTT1	2	17 (C401)	ĐHSP
529	860529	Phan Quốc Bảo	26/04/2002	3120420013		20CNTTC	2	17 (C401)	ĐHSP
530	860530	Nguyễn Thị Bích	02/10/2004	3140122005		22SHH	2	17 (C401)	ĐHSP
531	860531	Nguyễn Hải Biên	13/01/2001	3130119002		19SVL	2	17 (C401)	ĐHSP
532	860532	Ngô Thị Thanh Bình	07/11/2002	3180620001		20CVNHC	2	17 (C401)	ĐHSP
533	860533	Nguyễn Thị Hồ Bình	01/10/2004	3190122006		22SDL	2	17 (C401)	ĐHSP
534	860534	Nguyễn Ngọc Châu	24/12/2000	3190118004		18SDL	2	17 (C401)	ĐHSP
535	860535	Thái Bùi Ngọc Châu	22/06/2004	3220222007		22STC	2	17 (C401)	ĐHSP
536	860536	Nguyễn Khánh Chi	05/10/2005	3180723010		23SLD2	2	17 (C401)	ĐHSP
537	860537	Nguyễn Minh Chí	24/11/2003	3190421044		21CDDL	2	17 (C401)	ĐHSP
538	860538	Rơ Lan Chúc	13/04/2004	3220122033		22STH1	2	17 (C401)	ĐHSP
539	860539	Nguyễn Đình Nguyên Chương	22/06/2002	3120220211		20CNTT2	2	17 (C401)	ĐHSP
540	860540	Trần Duy Đan	24/12/2002	3200321030		21CTXH	2	17 (C401)	ĐHSP
541	860541	Phùng Tiến Đạt	14/08/2000	3140721023		21SKT2	2	17 (C401)	ĐHSP
542	860542	Trương Văn Đạt	12/11/2003	3120221151		21CNTT3	2	17 (C401)	ĐHSP
543	860543	Lương Thị Diễm	18/10/2004	3110122009		22ST1	2	17 (C401)	ĐHSP
544	860544	Trần Thị Ngọc Diệp	17/02/2005	3220123057		23STH5	2	17 (C401)	ĐHSP
545	860545	Đinh Hy Một Đôi	08/07/2004	3190122008		22SDL	2	17 (C401)	ĐHSP
546	860546	Nguyễn Việt Đức	07/05/2005	3110123013		23ST1	2	17 (C401)	ĐHSP
547	860547	Phan Phước Đức	06/03/2003	3120221351		21CNTT4	2	17 (C401)	ĐHSP
548	860548	Châu Thị Thùy Dương	18/02/2004	3110122012		22ST1	2	17 (C401)	ĐHSP
549	860549	Lê Thị Mỹ Duyên	25/06/2005	3230123028		23SMN1	2	18 (C404)	ĐHSP
550	860550	Ngô Mỹ Duyên	08/12/2003	3170121080		21SNV2	2	18 (C404)	ĐHSP
551	860551	Nguyễn Thị Duyên	23/10/2005	3230123029		23SMN2	2	18 (C404)	ĐHSP
552	860552	Phan Thùy Duyên	12/10/2004	3190122012		22SDL	2	18 (C404)	ĐHSP
553	860553	Trần Thị Mỹ Duyên	23/02/2003	3180521045		21CLS	2	18 (C404)	ĐHSP
554	860554	Đặng Trà Giang	02/07/2005	3220123078		23STH3	2	18 (C404)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
555	860555	Phan Thu	Hà	06/08/2004	3110122015		22ST1	2	18 (C404)	ĐHSP
556	860556	Phạm Thị Hồng	Hải	30/01/2001	3190419024		19CDDL	2	18 (C404)	ĐHSP
557	860557	Y	Hân	15/03/2004	3180722018		22SLD1	2	18 (C404)	ĐHSP
558	860558	Nguyễn Thị	Hằng	06/10/2004	3180722020		22SLD1	2	18 (C404)	ĐHSP
559	860559	Nguyễn Thị	Hằng	13/07/2004	3180122010		22SLS	2	18 (C404)	ĐHSP
560	860560	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	24/05/2005	3220123099		23STH6	2	18 (C404)	ĐHSP
561	860561	Trần Thị Thanh	Hằng	31/07/2000	3170618004		18CBCC	2	18 (C404)	ĐHSP
562	860562	Y	Hằng	12/05/2004	3220122076		22STH1	2	18 (C404)	ĐHSP
563	860563	Phan Thị Hồng	Hạnh	06/02/2003	3230122035		22SMN1	2	18 (C404)	ĐHSP
564	860564	Nguyễn Thị	Hào	19/09/2005	3220123106		23STH7	2	18 (C404)	ĐHSP
565	860565	Aviét Thị	Hát	13/06/2004	3230122036		22SMN2	2	18 (C404)	ĐHSP
566	860566	La Thế	Hậu	24/01/2005	3220123107		23STH6	2	18 (C404)	ĐHSP
567	860567	Huỳnh Lê Dịu	Hiền	21/05/2005	3180723024		23SLD1	2	18 (C404)	ĐHSP
568	860568	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	28/06/2002	3200220057		20CTL2	2	18 (C404)	ĐHSP
569	860569	Ngô Minh	Hiệp	15/06/2002	3120420016		20CNTTC	2	18 (C404)	ĐHSP
570	860570	Phạm Thị	Hiệp	06/08/2003	3220121406		21STH4	2	18 (C404)	ĐHSP
571	860571	Võ Văn	Hoà	10/09/2003	3120221176		21CNTT3	2	18 (C404)	ĐHSP
572	860572	Cao Thị	Hoàn	04/08/2004	3220122092		22STH6	2	18 (C404)	ĐHSP
573	860573	Đặng Quốc	Hoàng	15/07/2002	3120220084		20CNTT2	2	18 (C404)	ĐHSP
574	860574	Lâm Phước	Hoàng	22/05/2000	3190418024		18CDDL1	2	18 (C404)	ĐHSP
575	860575	Võ Đức	Hoàng	17/01/2003	3200221154		21CTL2	2	18 (C404)	ĐHSP
576	860576	Trần Thị Kim	Hồng	03/12/2003	3150421040		21CNSH	2	18 (C404)	ĐHSP
577	860577	Lê Hữu	Hùng	16/09/2003	3190421060		21CDDL	2	18 (C404)	ĐHSP
578	860578	Mai Xuân	Hưng	04/10/2003	3160421044		21SAN	2	18 (C404)	ĐHSP
579	860579	Trương Công	Hưng	03/11/2005	3110123039		23ST2	2	18 (C404)	ĐHSP
580	860580	Đào Thị Thanh	Hương	08/03/2004	3110122031		22ST1	2	18 (C404)	ĐHSP
581	860581	Hoàng Thị Diệu	Hương	20/07/2002	3220122098		22STH1	2	18 (C404)	ĐHSP
582	860582	Lê Thị Thu	Hương	22/06/2003	3170421024		21CBC1	2	18 (C404)	ĐHSP
583	860583	Nguyễn Thị Mai	Hương	06/12/2003	3220121430		21STH9	2	18 (C404)	ĐHSP
584	860584	Phạm Thị Hồng	Hương	21/01/2004	3220122100		22STH3	2	18 (C404)	ĐHSP
585	860585	Hoàng Thành	Huy	17/09/2003	3160621003		21SGT	2	18 (C404)	ĐHSP
586	860586	Trần Đăng	Huy	11/09/2003	3120221047		21CNTT1	2	18 (C404)	ĐHSP
587	860587	Lê Thị Thùy	Huyền	17/10/2005	3220123142		23STH3	2	18 (C404)	ĐHSP
588	860588	Đinh Thị Diệu	Huyền	28/03/2004	3220122104		22STH1	2	18 (C404)	ĐHSP
589	860589	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	13/07/2005	3230123064		23SMN3	2	18 (C404)	ĐHSP
590	860590	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	05/03/2004	3110122037		22ST1	2	18 (C404)	ĐHSP
591	860591	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	25/03/2003	3190421064		21CDDL	2	18 (C404)	ĐHSP
592	860592	Phạm Thị Thanh	Huyền	18/12/2003	3160421011		21SAN	2	18 (C404)	ĐHSP
593	860593	Phơ Loong Mai	Huyền	07/05/2003	3220121448		21STH7	2	18 (C404)	ĐHSP
594	860594	Đào Thế	Huỳnh	18/11/2000	3120218075		18CNTT1	2	18 (C404)	ĐHSP
595	860595	Trần Huỳnh Gia	Khải	26/10/2003	3140721113		21SKT1	2	18 (C404)	ĐHSP
596	860596	Nguyễn Ngọc Minh	Khánh	21/08/2003	3180521004		21CLS	2	18 (C404)	ĐHSP
597	860597	Nguyễn Anh	Khoa	30/11/2003	3160621004		21SGT	2	18 (C404)	ĐHSP
598	860598	Phạm Văn	Khoa	06/10/2003	3140721117		21SKT1	2	18 (C404)	ĐHSP
599	860599	Alăng Thị	Khuyên	31/01/2004	3180722032		22SLD2	2	18 (C404)	ĐHSP
600	860600	Dương Thị Thúy	Kiều	28/03/2003	3220122118		22STH4	2	18 (C404)	ĐHSP
601	860601	Nguyễn Thị Như	Kiều	21/06/2003	3120221202		21CNTTC	2	19 (A201)	ĐHSP
602	860602	Phạm Lê Mỹ	Kim	17/12/2003	3170421108		21CBC2	2	19 (A201)	ĐHSP
603	860603	Phạm Thị Ngọc	Lan	08/04/2003	3220121092		21STH9	2	19 (A201)	ĐHSP
604	860604	Trần Thị	Lanh	15/09/2003	3180221037		21CVNH1	2	19 (A201)	ĐHSP
605	860605	Võ Thị	Lãnh	30/10/2004	3230122054		22SMN3	2	19 (A201)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
606	860606	Lê Quốc Lập	01/01/2002	3140722041		22SKT1	2	19 (A201)	ĐHSP
607	860607	Lang Thị Khánh Lê	16/03/2005	3180723036		23SLD1	2	19 (A201)	ĐHSP
608	860608	Võ Thị Bích Lệ	25/03/2005	3140723035		23SKT1	2	19 (A201)	ĐHSP
609	860609	Lê Thị Liên	02/07/2005	3110123047		23ST2	2	19 (A201)	ĐHSP
610	860610	Nguyễn Hoàng Ngọc Liên	08/01/2003	3120221208		21CNTT1	2	19 (A201)	ĐHSP
611	860611	Đinh Bùi Thuý Linh	24/10/2004	3110122042		22ST2	2	19 (A201)	ĐHSP
612	860612	Dương Hoài Diệu Linh	21/08/2003	3170221120		21CVH	2	19 (A201)	ĐHSP
613	860613	Hồ Thị Mỹ Linh	06/12/2003	3200321076		21CTXH	2	19 (A201)	ĐHSP
614	860614	Lê Hồng Thiên Linh	05/05/2004	3220222028		22STC	2	19 (A201)	ĐHSP
615	860615	Nguyễn Khánh Linh	21/02/2005	3220123179		23STH5	2	19 (A201)	ĐHSP
616	860616	Nguyễn Thị Xuân Linh	31/07/2003	3220121478		21STH9	2	19 (A201)	ĐHSP
617	860617	Phạm Khánh Linh	22/12/2003	3170221053		21CVH	2	19 (A201)	ĐHSP
618	860618	Tăng Thảo Linh	18/10/2003	3160521052		21SCD	2	19 (A201)	ĐHSP
619	860619	Võ Lê Diệu Linh	08/07/2002	3130120046		20SVL	2	19 (A201)	ĐHSP
620	860620	Đặng Kim Lộc	21/09/2005	3220123192		23STH2	2	19 (A201)	ĐHSP
621	860621	Lý Tùng Long	04/05/2003	3160621018		21SGT	2	19 (A201)	ĐHSP
622	860622	Nguyễn Minh Long	27/10/2002	3140721043		21SKT2	2	19 (A201)	ĐHSP
623	860623	Phan Gia Long	10/02/2001	3170121123		21SNV3	2	19 (A201)	ĐHSP
624	860624	Trần Thành Lương	12/01/2003	3160621019		21SGT	2	19 (A201)	ĐHSP
625	860625	Thị Thị Thùy Lựu	09/12/2003	3190421073		21CDDL	2	19 (A201)	ĐHSP
626	860626	Hiên Thị Ly	27/01/2004	3220122148		22STH4	2	19 (A201)	ĐHSP
627	860627	Hồ Thị Cẩm Ly	07/04/2004	3220122147		22STH6	2	20 (A202)	ĐHSP
628	860628	Ngô Thị Phương Ly	01/01/2004	3220122152		22STH6	2	20 (A202)	ĐHSP
629	860629	Nguyễn Thị Hải Lý	05/05/2004	3140122026		22SHH	2	20 (A202)	ĐHSP
630	860630	Bùi Thị Tuyết Mai	16/02/2005	3220123206		23STH5	2	20 (A202)	ĐHSP
631	860631	Lê Thị Xuân Mai	28/12/2003	3220121113		21STH10	2	20 (A202)	ĐHSP
632	860632	Dương Duy Mạnh	30/06/2005	3110123056		23ST2	2	20 (A202)	ĐHSP
633	860633	Nguyễn Trà Mỹ	05/03/2003	3230121121		21SMN1	2	20 (A202)	ĐHSP
634	860634	Trần Thị Diễm My	08/06/2004	3220122169		22STH4	2	20 (A202)	ĐHSP
635	860635	Phạm Linh Mỹ	27/10/2004	3220122171		22STH6	2	20 (A202)	ĐHSP
636	860636	Bùi Thị Ly Na	18/11/2004	3230122071		22SMN2	2	20 (A202)	ĐHSP
637	860637	Đinh Thị Mi Na	29/11/1999	3230123102		23SMN2	2	20 (A202)	ĐHSP
638	860638	Nguyễn Ngô Thị Ni Na	06/07/2003	3140321083		21CHD	2	20 (A202)	ĐHSP
639	860639	Nguyễn Ni Na	14/01/2003	3170221059		21CVH	2	20 (A202)	ĐHSP
640	860640	Nguyễn Thị Lê Na	05/07/2004	3160522025		22SCD	2	20 (A202)	ĐHSP
641	860641	Nguyễn Thị Lê Na	04/08/2005	3220123224		23STH5	2	20 (A202)	ĐHSP
642	860642	Trần Thị Ngọc Na	17/10/2004	3220222034		22STC	2	20 (A202)	ĐHSP
643	860643	Nguyễn Thị Nga	25/09/1999	3200217056		17CTL2	2	20 (A202)	ĐHSP
644	860644	A Lăng Thị Ngân	06/05/2004	3180722057		22SLD2	2	20 (A202)	ĐHSP
645	860645	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ngân	09/08/2003	3170121141		21SNV3	2	20 (A202)	ĐHSP
646	860646	Nguyễn Thị Thanh Ngân	22/05/2003	3180221057		21CVNH2	2	20 (A202)	ĐHSP
647	860647	Nguyễn Thị Thu Ngân	21/07/2003	3170121142		21SNV2	2	20 (A202)	ĐHSP
648	860648	Huỳnh Châu Nghị	25/08/2003	3120221423		21CNTT1	2	20 (A202)	ĐHSP
649	860649	Nguyễn Bùi Bảo Ngọc	07/07/2005	3180723059		23SLD1	2	20 (A202)	ĐHSP
650	860650	Nguyễn Hoài Ngọc	30/07/2004	3230122077		22SMN2	2	20 (A202)	ĐHSP
651	860651	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	10/07/2005	3170423067		23CBC1	2	20 (A202)	ĐHSP
652	860652	Phan Thanh Ngọc	27/10/2003	3150121040		21SS	2	20 (A202)	ĐHSP
653	860653	Trần Hoài Ngọc	30/10/2003	3170121145		21SNV2	2	21 (A203)	ĐHSP
654	860654	Trần Thị Ngọc	16/07/2004	3190122034		22SDL	2	21 (A203)	ĐHSP
655	860655	Đặng Thị Thảo Nguyên	04/09/2000	3170318017		18CVHH	2	21 (A203)	ĐHSP
656	860656	Đỗ Thị Thanh Nguyên	14/01/2004	3110122055		22ST1	2	21 (A203)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
657	860657	Hồ Thị Thảo Nguyên	10/09/2003	3190121047		21SDL	2	21 (A203)	ĐHSP
658	860658	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	02/07/2003	3140721128		21SKT1	2	21 (A203)	ĐHSP
659	860659	Phạm Hoàng Bảo Nguyên	14/08/2002	3160421020		21SAN	2	21 (A203)	ĐHSP
660	860660	Võ Thị Hoài Nguyên	17/09/2003	3180721086		21SLD	2	21 (A203)	ĐHSP
661	860661	Hoàng Thị Nguyệt	18/05/2003	3180221066		21CVNH2	2	21 (A203)	ĐHSP
662	860662	Huỳnh Lê Thanh Nhân	26/11/2005	3220123251		23STH2	2	21 (A203)	ĐHSP
663	860663	Nguyễn Thị Thanh Nhân	14/01/2005	3180723062		23SLD1	2	21 (A203)	ĐHSP
664	860664	Đoàn Văn Nhân	09/03/2000	3170418115		18CBC3	2	21 (A203)	ĐHSP
665	860665	Võ Quý Nhân	04/05/2004	3230122080		22SMN2	2	21 (A203)	ĐHSP
666	860666	Lê Thị Nhật	19/03/2003	3170121152		21SNV3	2	21 (A203)	ĐHSP
667	860667	Nguyễn Thanh Nhật	27/11/2003	3170121153		21SNV2	2	21 (A203)	ĐHSP
668	860668	Bríu Thị Tuyết Nhi	11/12/2004	3230122081		22SMN3	2	21 (A203)	ĐHSP
669	860669	Hứa Thị Yến Nhi	12/03/2003	3170421057		21CBC1	2	21 (A203)	ĐHSP
670	860670	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	01/06/2005	3200223079		23CTL2	2	21 (A203)	ĐHSP
671	860671	Nguyễn Thị Yến Nhi	09/07/2003	3170221067		21CVH	2	21 (A203)	ĐHSP
672	860672	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/07/2004	3170122070		22SNV2	2	21 (A203)	ĐHSP
673	860673	Phạm Nguyễn Thùy Nhi	24/03/2003	3180621008		21CVNH2	2	21 (A203)	ĐHSP
674	860674	Trần Nguyễn Tuyết Nhi	07/09/2003	3230121155		21SMN1	2	21 (A203)	ĐHSP
675	860675	Trần Nguyễn Yến Nhi	01/01/2005	3230123119		23SMN3	2	21 (A203)	ĐHSP
676	860676	Trần Thị Lệ Nhi	24/08/2002	3230120183		20SMN1	2	21 (A203)	ĐHSP
677	860677	Trần Thị Yến Nhi	18/10/2004	3220122203		22STH6	2	21 (A203)	ĐHSP
678	860678	Zorum Thị Nhíp	24/11/2003	3160121040		21SGC	2	21 (A203)	ĐHSP
679	860679	Hồ Thị Hồng Nhung	20/07/2004	3110122060		22ST1	3	22 (A401)	ĐHSP
680	860680	Nguyễn Thị Nhung	05/01/2003	3220121607		21STH3	3	22 (A401)	ĐHSP
681	860681	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/06/2004	3140122032		22SHH	3	22 (A401)	ĐHSP
682	860682	Bùi Thị Cẩm Ni	27/04/2005	3220123283		23STH7	3	22 (A401)	ĐHSP
683	860683	Trần Thị Nữ	17/09/2003	3230121033		21SMN4	3	22 (A401)	ĐHSP
684	860684	Hồ Thị Oanh	30/12/2005	3220123287		23STH7	3	22 (A401)	ĐHSP
685	860685	Mai Thị Kim Oanh	23/12/2002	3130120064		20SVL	3	22 (A401)	ĐHSP
686	860686	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	28/08/2003	3140321090		21CHD	3	22 (A401)	ĐHSP
687	860687	Trương Hoàng Oanh	30/10/2001	3170319038		19CVHH	3	22 (A401)	ĐHSP
688	860688	Đặng Anh Phú	26/07/2003	3120221254		21CNTT2	3	22 (A401)	ĐHSP
689	860689	Đỗ Ngọc Phụng	03/11/2004	3190122040		22SDL	3	22 (A401)	ĐHSP
690	860690	Mai Thị Diễm Phụng	08/01/2005	3230123134		23SMN2	3	22 (A401)	ĐHSP
691	860691	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	25/08/2005	3230123135		23SMN3	3	22 (A401)	ĐHSP
692	860692	Trần Thị Bích Phụng	16/06/2004	3160422042		22SAN	3	22 (A401)	ĐHSP
693	860693	Nguyễn Lê Quân	03/11/2003	3140322029		22CHD	3	22 (A401)	ĐHSP
694	860694	Nguyễn Văn Quốc	02/03/2003	3120221263		21CNTT1	3	22 (A401)	ĐHSP
695	860695	Phạm Nguyễn Như Quyên	04/07/2003	3170221076		21CVH	3	22 (A401)	ĐHSP
696	860696	Lê Đỗ Như Quỳnh	24/02/2005	3240423049		23SAN	3	22 (A401)	ĐHSP
697	860697	Lê Song Quỳnh	23/08/2001	3200219170		19CTL	3	22 (A401)	ĐHSP
698	860698	Nguyễn Thị Quỳnh	04/10/2005	3220223050		23STC	3	22 (A401)	ĐHSP
699	860699	Phan Nguyễn Khánh Quỳnh	04/08/2005	3220123304		23STH7	3	22 (A401)	ĐHSP
700	860700	Nguyễn Khắc Sáng	17/12/2005	3220123309		23STH5	3	22 (A401)	ĐHSP
701	860701	Bùi Xuân Tài	27/07/2003	3160422047		22SAN	3	22 (A401)	ĐHSP
702	860702	Hà Anh Tài	07/03/2000	3170618012		18CBCC	3	22 (A401)	ĐHSP
703	860703	Đinh Thị Tám	09/06/2003	3170121172		21SNV2	3	22 (A401)	ĐHSP
704	860704	Bùi Nguyễn Minh Tâm	13/10/2004	3170122094		22SNV2	3	22 (A401)	ĐHSP
705	860705	Nguyễn Thị Thanh Tâm	09/10/2003	3180221249		21CVNH2	3	22 (A401)	ĐHSP
706	860706	Ta Cooi Táo	10/01/2003	3160121043		21SGC	3	22 (A401)	ĐHSP
707	860707	Lê Minh Chiến Thắng	03/04/2004	3140322031		22CHD	3	23 (A402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
708	860708	Phan Hữu	Thắng	23/01/2002	3160420033		20SAN	3	23 (A402)	ĐHSP
709	860709	Đặng Phương	Thanh	21/10/2005	3220123320		23STH7	3	23 (A402)	ĐHSP
710	860710	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	26/08/2002	3120221092		21CNTT4	3	23 (A402)	ĐHSP
711	860711	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/04/2004	3220122250		22STH1	3	23 (A402)	ĐHSP
712	860712	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/01/2003	3140321021		21CHD	3	23 (A402)	ĐHSP
713	860713	Phan Thị Thanh	Thảo	15/09/2005	3150123032		23SS	3	23 (A402)	ĐHSP
714	860714	Trần Thị Thu	Thảo	18/02/2002	3180220305		20CVNH1	3	23 (A402)	ĐHSP
715	860715	Trương Công	Thị	26/06/2003	3150421054		21CNSH	3	23 (A402)	ĐHSP
716	860716	Nguyễn Thị Vy	Thoa	04/09/2004	3220123337		23STH3	3	23 (A402)	ĐHSP
717	860717	Nguyễn Anh	Thư	28/07/2001	3130119040		19SVL	3	23 (A402)	ĐHSP
718	860718	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	28/11/2002	3130120028		20SVL	3	23 (A402)	ĐHSP
719	860719	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/05/2002	3160422051		22SAN	3	23 (A402)	ĐHSP
720	860720	Trần Minh	Thư	23/07/2005	3220123348		23STH3	3	23 (A402)	ĐHSP
721	860721	Lê Hồng Ngọc	Thương	01/01/2002	3180720071		20SLD	3	23 (A402)	ĐHSP
722	860722	Lưu Thị Anh	Thương	14/08/2005	3220123352		23STH5	3	23 (A402)	ĐHSP
723	860723	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	21/07/2001	3200419033		19CTLC	3	23 (A402)	ĐHSP
724	860724	Nguyễn Thị Quỳnh	Thương	18/07/2003	3120221100		21CNTT1	3	23 (A402)	ĐHSP
725	860725	Lê Thanh	Thúy	30/09/2005	3230123170		23SMN1	3	23 (A402)	ĐHSP
726	860726	Võ Thị Thu	Thùy	27/06/2005	3230123168		23SMN3	3	23 (A402)	ĐHSP
727	860727	Nguyễn Thị Thanh	Tiên	01/08/2004	3220123449		23STH5	3	23 (A402)	ĐHSP
728	860728	Đỗ Nhật	Tiến	02/08/2003	3120221297		21CNTT3	3	23 (A402)	ĐHSP
729	860729	Trần Ngọc	Tiến	09/06/2003	3120221296		21CNTT4	3	23 (A402)	ĐHSP
730	860730	Trần Văn	Toán	10/10/2002	3160422054		22SAN	3	23 (A402)	ĐHSP
731	860731	Lê Thị Bích	Trâm	09/08/2004	3190122054		22SDL	3	23 (A402)	ĐHSP
732	860732	Võ Lê Bảo	Trân	25/08/2005	3230123181		23SMN1	3	23 (A402)	ĐHSP
733	860733	Nguyễn Thị Hoài	Trang	13/12/2003	3120221107		21CNTT4	3	23 (A402)	ĐHSP
734	860734	Quách Thùy	Trang	01/11/2004	3230122138		22SMN1	3	23 (A402)	ĐHSP
735	860735	Nguyễn Thành	Triều	31/07/2000	3190418076		18CDDL1	3	24 (A403)	ĐHSP
736	860736	Đinh Thị Cẩm	Trình	02/01/2004	3110122089		22ST1	3	24 (A403)	ĐHSP
737	860737	Nguyễn Đình Nhật	Trình	02/05/2003	3190421104		21CDDL	3	24 (A403)	ĐHSP
738	860738	Phan Thị Thúy	Trình	21/09/2003	3140621005		21CHD	3	24 (A403)	ĐHSP
739	860739	Dương Quốc	Trình	15/09/2003	3120221111		21CNTT2	3	24 (A403)	ĐHSP
740	860740	Phan Quốc	Trung	01/10/2003	3110122091		22ST2	3	24 (A403)	ĐHSP
741	860741	Lương Thị Cẩm	Tú	10/08/2001	3180619050		19CVNHC	3	24 (A403)	ĐHSP
742	860742	Tân Văn	Tú	06/06/2003	3160621011		21SGT	3	24 (A403)	ĐHSP
743	860743	Trịnh Diệu Thanh	Tú	13/08/2003	3230123195		23SMN3	3	24 (A403)	ĐHSP
744	860744	Lê Châu	Tuấn	30/09/2002	3110120296		20ST3	3	24 (A403)	ĐHSP
745	860745	Nguyễn Thanh	Tuấn	10/02/2002	3170220068		20CVH	3	24 (A403)	ĐHSP
746	860746	Lê Thị	Tuyền	02/03/2005	3220123403		23STH3	3	24 (A403)	ĐHSP
747	860747	Bùi Thị Minh	Tuyền	14/12/2002	3140120174		20SHH2	3	24 (A403)	ĐHSP
748	860748	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	23/10/2003	3170421258		21CBC1	3	24 (A403)	ĐHSP
749	860749	Trần Thị Thanh	Tuyền	15/08/2004	3220122308		22STH1	3	24 (A403)	ĐHSP
750	860750	Bùi Thị	Tuyết	10/03/2003	3230121258		21SMN4	3	24 (A403)	ĐHSP
751	860751	Nguyễn Ánh	Tuyết	11/02/2004	3110122099		22ST1	3	24 (A403)	ĐHSP
752	860752	Đỗ Lê Kim	Uyên	27/07/2004	3180222155		22CVNH2	3	24 (A403)	ĐHSP
753	860753	Lê Phương	Uyên	01/06/2005	3220123407		23STH4	3	24 (A403)	ĐHSP
754	860754	Trần Lê Phương	Uyên	11/01/2005	3180723115		23SLD1	3	24 (A403)	ĐHSP
755	860755	Trần Thị Tú	Uyên	03/07/2003	3120221504		21CNTT4	3	24 (A403)	ĐHSP
756	860756	Võ Bảo	Uyên	19/09/2003	3140721169		21SKT2	3	24 (A403)	ĐHSP
757	860757	Đinh Thị Thúy	Vân	18/10/2004	3180122059		22SLS	3	24 (A403)	ĐHSP
758	860758	Hà Thị	Vân	08/04/2003	3170121221		21SNV2	3	24 (A403)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
759	860759	Nguyễn Thị Thanh Vân	21/11/2002	3110120300		20ST4	3	24 (A403)	ĐHSP
760	860760	Trần Quang Văn	01/01/2003	3160621022		21SGT	3	24 (A403)	ĐHSP
761	860761	Nguyễn Lê Tường Vi	30/05/2001	3180119055		19SLS	3	24 (A403)	ĐHSP
762	860762	Zơ Râm Thị Hà Vi	27/01/2005	3220123414		23STH6	3	24 (A403)	ĐHSP
763	860763	Đỗ Phú Viên	11/02/2002	3180220369		20CVNH1	3	25 (B401)	ĐHSP
764	860764	Hoàng Hoa Vinh	12/08/2005	3190423088		23CDDL	3	25 (B401)	ĐHSP
765	860765	Trần Quang Vinh	03/10/2004	3160422061		22SAN	3	25 (B401)	ĐHSP
766	860766	Mai Thành Vinh	20/02/2002	3120420026		20CNTTC	3	25 (B401)	ĐHSP
767	860767	Huỳnh Đình Nguyên Vũ	16/12/2003	3110121149		21ST1	3	25 (B401)	ĐHSP
768	860768	Nguyễn Vũ	14/03/1996	313011161150		16SVL	3	25 (B401)	ĐHSP
769	860769	Đỗ Thị Yến Vy	11/10/2003	3160521127		21SCD	3	25 (B401)	ĐHSP
770	860770	Hồ Thị Tường Vy	25/06/2004	3190122063		22SDL	3	25 (B401)	ĐHSP
771	860771	Lê Triệu Vy	02/01/2003	3170121230		21SNV3	3	25 (B401)	ĐHSP
772	860772	Ngô Hoàng Yến Vy	02/02/2003	3180221119		21CVNH2	3	25 (B401)	ĐHSP
773	860773	Phạm Nguyên Thảo Vy	17/03/2005	3110123111		23ST1	3	25 (B401)	ĐHSP
774	860774	Trần Bảo Gia Vy	14/05/2004	3160422066		22SAN	3	25 (B401)	ĐHSP
775	860775	Trần Lê Thanh Vy	31/10/2003	3180521037		21CLS	3	25 (B401)	ĐHSP
776	860776	Nguyễn Thanh Xuân	08/08/2003	3160521128		21SCD	3	25 (B401)	ĐHSP
777	860777	Tăng Tấn Y	03/07/2001	3120220056		20CNTT2	3	25 (B401)	ĐHSP
778	860778	Trần Thị Như Ý	05/07/2002	3180620015		20CVNHC	3	25 (B401)	ĐHSP
779	860779	Lê Thị Hoàng Yến	20/11/2003	3170221160		21CVH	3	25 (B401)	ĐHSP
780	860780	Lê Văn An	05/11/2003	21115041120101	Quảng Trị	21C1	3	25 (B401)	ĐHSPKT
781	860781	Cao Hoàng Anh	26/11/2004	22115043122205	Hà Tĩnh	22N2	3	25 (B401)	ĐHSPKT
782	860782	Võ Thanh Ba	12/07/2003	21115044120204	Quảng Ngãi	21CDT2	3	25 (B401)	ĐHSPKT
783	860783	Dương Ngọc Bằng	27/05/2003	21115061120102	Quảng Nam	21XD1	3	25 (B401)	ĐHSPKT
784	860784	Hồ Tuấn Bảo	19/05/2003	21115041120201	Hà Tĩnh	21C2	3	25 (B401)	ĐHSPKT
785	860785	Huỳnh Quốc Bảo	17/12/2002	2050421200106	Quảng Nam	20DL1	3	25 (B401)	ĐHSPKT
786	860786	Lâm Nhật Bảo	24/04/2002	2050541200106	Quảng Nam	20DT1	3	25 (B401)	ĐHSPKT
787	860787	Nguyễn Thế Thái Bảo	04/02/2003	21115055120105	Quảng Ngãi	21TDH1	3	25 (B401)	ĐHSPKT
788	860788	Nguyễn Võ Quốc Bảo	14/03/2002	2050441200104	Quảng Nam	20CDT1	3	25 (B401)	ĐHSPKT
789	860789	Trịnh Văn Biền	18/04/2002	2050512200108	Nam Định	20D2	3	25 (B401)	ĐHSPKT
790	860790	Hà Viết Bình	20/07/2003	21115042120103	Quảng Nam	21DL1	3	25 (B401)	ĐHSPKT
791	860791	Nguyễn Đức Bình	31/12/2003	21115042120104	Đà Nẵng	21DL1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
792	860792	Nguyễn Tấn Bình	17/01/2002	2050441200108	Đà Nẵng	20CDT1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
793	860793	Nguyễn Trần Ca	06/02/2003	21115044120269	Bình Định	21CĐT2	3	26 (B402)	ĐHSPKT
794	860794	Nguyễn Tấn Cảnh	10/04/2002	2050731200102	Quảng Nam	20HTP1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
795	860795	Võ Minh Cảnh	26/02/2003	21115043120102	Kon Tum	21N1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
796	860796	Trần Hữu Cát	22/09/2002	2050421200110	Gia Lai	20DL1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
797	860797	Nguyễn Xuân Chiến	09/02/2003	21115043120168	Nghệ An	21N1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
798	860798	Nguyễn Văn Chung	28/04/2003	21115055120109	Nghệ An	21TDH1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
799	860799	Bùi Đức Công	22/05/2003	21115053120306	Hà Tĩnh	21T3	3	26 (B402)	ĐHSPKT
800	860800	Trần Quốc Công	16/10/2003	21115064120102	Quảng Nam	21XH1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
801	860801	Đặng Quốc Cường	30/09/2003	21115044120104	Quảng Nam	21CDT1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
802	860802	Phan Tiến Cường	31/08/2002	2050441200110	Quảng Nam	20CDT1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
803	860803	Dương Ngọc Danh	26/05/2003	21115053120109	Quảng Nam	21T1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
804	860804	Nguyễn Tiến Danh	22/10/2003	21115051220206	Quảng Ngãi	21D2	3	26 (B402)	ĐHSPKT
805	860805	Bùi Quang Đạt	15/09/2002	2050731200107	Đà Nẵng	20HTP1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
806	860806	Vũ Đình Đạt	04/03/2003	21115042120208	Hà Tĩnh	21DL2	3	26 (B402)	ĐHSPKT
807	860807	Hoàng Đức Diễm	28/05/2003	21115041120111	Quảng Ngãi	21C1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
808	860808	Nguyễn Hà Đông	16/12/2003	21115051220110	Tp. Hồ Chí Minh	21D1	3	26 (B402)	ĐHSPKT
809	860809	Nguyễn Thanh Đông	18/06/2003	21115051220111	Quảng Nam	21D1	3	26 (B402)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
810	860810	Bùi Đăng Quang	Đức	29/12/2003	21115041120112	Quảng Ngãi	21C1	3 26 (B402)	ĐHSPKT
811	860811	Nguyễn Văn	Đức	26/10/2003	21115051220210	Hà Tĩnh	21D3	3 26 (B402)	ĐHSPKT
812	860812	Nguyễn Văn	Đức	24/11/2002	21115043120107	Nghệ An	21N1	3 26 (B402)	ĐHSPKT
813	860813	Nguyễn Văn	Đức	26/03/2003	21115043120164	Gia Lai	21N1	3 26 (B402)	ĐHSPKT
814	860814	Phan Công Tài	Đức	02/01/2001	1911506110110	Quảng Nam	19XD1	3 26 (B402)	ĐHSPKT
815	860815	Trần Vinh	Đức	02/11/2003	21115051220211	Quảng Trị	21D3	3 26 (B402)	ĐHSPKT
816	860816	Nguyễn Công	Dũng	16/04/2003	21115067121105	Quảng Nam	21KT1	3 26 (B402)	ĐHSPKT
817	860817	Trương Thanh	Dũng	16/05/2001	1911506410104	Quảng Nam	19XH1	3 26 (B402)	ĐHSPKT
818	860818	Trần Quang	Dương	23/04/2003	21115051220213	Đà Nẵng	21D2	3 26 (B402)	ĐHSPKT
819	860819	Trần Ngọc	Duy	06/10/2003	21115041120212	Quảng Ngãi	21C2	3 27 (B403)	ĐHSPKT
820	860820	Bùi Viết Hoàng	Em	05/03/2003	21115051220284	Quảng Nam	21D3	3 27 (B403)	ĐHSPKT
821	860821	Nguyễn Hoàng	Giang	01/12/2003	21115063120109	Quảng Ngãi	21XC1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
822	860822	Huỳnh Văn	Hà	08/05/2002	2050411200121	Quảng Ngãi	20C1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
823	860823	Nguyễn Quang	Hà	31/03/2003	21115043120111	Quảng Nam	21N1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
824	860824	Nguyễn Tấn	Hải	06/11/2003	21115041120213	Quảng Ngãi	21C2	3 27 (B403)	ĐHSPKT
825	860825	Nguyễn Tuấn	Hải	20/04/2003	21115041120214	Quảng Ngãi	21C2	3 27 (B403)	ĐHSPKT
826	860826	Trần Quang	Hải	06/12/2002	2050512200131	Quảng Ngãi	20D2	3 27 (B403)	ĐHSPKT
827	860827	Nguyễn Quang	Hân	12/10/2003	21115043120112	Đà Nẵng	21N1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
828	860828	Tô Văn	Hân	03/10/2003	21115041120265	Kon Tum	21C2	3 27 (B403)	ĐHSPKT
829	860829	Lê Ngọc	Hào	25/03/2003	21115053120116	Quảng Nam	21T1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
830	860830	Trần Văn	Hào	04/10/2000	1811505410109	Quảng Nam	18DT1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
831	860831	Bùi Viết	Hào	18/01/2003	21115044120169	Quảng Nam	21CDT1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
832	860832	Lê Văn	Hiền	07/09/2003	21115041120118	Quảng Trị	21C1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
833	860833	Nguyễn Bá	Hiệp	22/03/2003	21115041120119	Bình Định	21C1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
834	860834	Huỳnh Trọng	Hiếu	16/10/2003	21115053120117	Kon Tum	21T1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
835	860835	Lê Trung	Hiếu	02/04/2002	2050551200129	Quảng Nam	20TDH1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
836	860836	Nguyễn Quốc	Hiếu	22/01/2003	21115041120120	Quảng Ngãi	21C1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
837	860837	Trần Văn	Hiếu	07/06/2003	21115051220286	Quảng Trị	21D3	3 27 (B403)	ĐHSPKT
838	860838	Ngô Hào	Hòa	04/07/2003	21115043120115	Bình Định	21N1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
839	860839	Trần Văn	Hòa	28/01/2003	21115042120222	Huế	21DL2	3 27 (B403)	ĐHSPKT
840	860840	Nguyễn Trọng	Hoàn	11/01/2002	21115041120216	Quảng Trị	21C2	3 27 (B403)	ĐHSPKT
841	860841	Lê Đình Trung	Hoàng	11/08/2003	21115042120119	Đà Nẵng	21DL1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
842	860842	Nguyễn Thành	Hoàng	29/06/2002	2050531200149	Quảng Nam	20T1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
843	860843	Trần Đức	Hoàng	13/04/2003	21115051220223	Quảng Trị	21D3	3 27 (B403)	ĐHSPKT
844	860844	Hoàng Quốc	Hùng	26/04/2004	22115042122228	Khánh Hòa	22DL2	3 27 (B403)	ĐHSPKT
845	860845	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/01/2003	21115051220125	Quảng Nam	21D2	3 27 (B403)	ĐHSPKT
846	860846	Nguyễn Đắc Tuấn	Hưng	29/01/2003	21115061120112	Huế	21XD1	3 27 (B403)	ĐHSPKT
847	860847	Trần Quốc	Hưng	25/07/2003	21115051220224	Quảng Ngãi	21D1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
848	860848	Hà Văn	Huy	29/06/2003	21115041120123	Khánh Hòa	21C1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
849	860849	Hồ Khánh	Huy	19/10/2003	21115055120131	Quảng Trị	21TDH1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
850	860850	Hoàng Ngô Quốc	Huy	09/11/2003	21115063120112	Quảng Trị	21XC1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
851	860851	Lê Văn	Huy	14/02/2003	21115061120115	Quảng Nam	21XD1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
852	860852	Nguyễn Công	Huy	01/09/2003	21115042120125	Quảng Nam	21DL1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
853	860853	Nguyễn Công	Huy	05/12/2002	2050541200131	Huế	20DT1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
854	860854	Võ Ngọc	Huy	09/04/2003	21115041120219	Quảng Ngãi	21C2	3 28 (C402)	ĐHSPKT
855	860855	Võ Thanh	Huy	01/01/2002	2050421200148	Quảng Nam	20DL1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
856	860856	Võ Trường	Huy	01/10/2001	2050541200130	Gia Lai	20DT1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
857	860857	Nguyễn Văn	Huyn	04/01/2002	2050531200161	Quảng Nam	20T1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
858	860858	Hồ Quốc	Khải	20/07/2003	21115043120125	Quảng Nam	21N1	3 28 (C402)	ĐHSPKT
859	860859	Hồ Nguyễn Minh	Khang	08/08/2003	21115055120225	Ninh Thuận	21TDH2	3 28 (C402)	ĐHSPKT
860	860860	Lê Văn	Khang	10/02/2003	21115041120126	Quảng Ngãi	21C1	3 28 (C402)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
861	860861	Nguyễn Tấn	Khanh	30/07/2001	1911504110220	Quảng Nam	19C2	3	28 (C402)	ĐHSPKT
862	860862	Trần Văn	Khanh	10/03/2002	2050512200147	Quảng Bình	20D1	3	28 (C402)	ĐHSPKT
863	860863	Hoàng Bảo	Khánh	14/03/2002	2050421200155	Nghệ An	20DL1	3	28 (C402)	ĐHSPKT
864	860864	Nguyễn Văn	Khánh	13/08/2004	22115053122221	Quảng Nam	22T2	3	28 (C402)	ĐHSPKT
865	860865	Huỳnh Phạm Chí	Khoa	06/05/2002	2050541200136	Quảng Nam	20DT1	3	28 (C402)	ĐHSPKT
866	860866	Đặng Anh	Kiệt	04/04/2003	21115041120128	Quảng Ngãi	21C1	3	28 (C402)	ĐHSPKT
867	860867	Nguyễn Duy	Kiệt	19/08/2003	21115041120129	Quảng Nam	21C1	3	28 (C402)	ĐHSPKT
868	860868	Phạm Thanh	Lành	12/08/2002	2050441200153	Quảng Nam	20CDT1	3	28 (C402)	ĐHSPKT
869	860869	Tổng Nhật	Lịch	30/05/2003	21115041120221	Quảng Ngãi	21C2	3	28 (C402)	ĐHSPKT
870	860870	Nguyễn Văn	Linh	01/06/2003	21115043120133	Quảng Bình	21N1	3	28 (C402)	ĐHSPKT
871	860871	Trần Lê	Linh	02/01/2000	2050721200103	Đà Nẵng	20MT1	3	28 (C402)	ĐHSPKT
872	860872	Nguyễn Đình	Lộc	31/08/2002	2050541200143	Quảng Nam	20DT1	3	28 (C402)	ĐHSPKT
873	860873	Đỗ Thành	Long	14/06/2002	2050441200156	Quảng Nam	20CDT1	3	28 (C402)	ĐHSPKT
874	860874	Nguyễn Văn	Long	07/02/2000	1811505310225	Quảng Nam	18T2	3	28 (C402)	ĐHSPKT
875	860875	Nguyễn Việt	Long	20/04/2002	2050531200223	Quảng Nam	20T2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
876	860876	Trần Đình	Luân	28/04/2002	2050551200155	Quảng Ngãi	20TDH1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
877	860877	Đỗ Thanh	Luận	19/05/2003	21115055120145	Quảng Trị	21TDH1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
878	860878	Lưu Tấn	Luận	15/09/2002	2050441200160	Quảng Nam	20CDT1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
879	860879	Hồ Xuân	Luật	27/09/2002	2050551200158	Quảng Ngãi	20TDH1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
880	860880	Huỳnh Tấn	Lực	30/12/2002	2050531200230	Đà Nẵng	20T2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
881	860881	Đinh Công	Minh	29/08/2003	21115042120133	Quảng Nam	21DL1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
882	860882	Hồ Đắc Nhật	Minh	26/02/2003	21115061120123	Quảng Nam	21XD1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
883	860883	Lê Quốc	Mùi	13/03/2003	21115041120132	Quảng Nam	21C1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
884	860884	Lê Hải	Nam	27/02/2003	21115042120134	Quảng Nam	21DL1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
885	860885	Mai Hữu	Nam	10/02/2002	2050441200208	Hà Tĩnh	20CDT2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
886	860886	Nguyễn Đỗ Hoàng	Nam	18/06/2003	21115054120133	Quảng Nam	21DT1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
887	860887	Nguyễn Hải	Nam	31/07/2002	2050441200204	Quảng Bình	20CDT2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
888	860888	Phạm Tấn	Nam	28/02/2002	2050441200206	Quảng Ngãi	20CDT2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
889	860889	Thái Vinh	Nam	24/02/2003	21115041120225	Quảng Ngãi	21C2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
890	860890	Võ Duy	Ngân	25/08/2003	21115042120242	Quảng Ngãi	21DL2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
891	860891	Đặng Sĩ	Nguyên	19/02/2002	2050441200213	Quảng Bình	20CDT2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
892	860892	Nguyễn Hoàng	Nguyên	08/09/2003	21115061120128	Quảng Nam	21XD1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
893	860893	Thái Văn	Nhân	22/09/2002	2050441200214	Huế	20CDT2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
894	860894	Đặng Công	Nhật	02/02/2003	21115061120129	Đà Nẵng	21XD1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
895	860895	Đào Minh	Nhật	27/06/2003	21115054120140	Quảng Ngãi	21DT1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
896	860896	Lê Văn	Nhật	08/06/2003	21115042120138	Quảng Ngãi	21DL1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
897	860897	Lê Doãn Anh	Nho	01/02/2001	1911504110231	Quảng Nam	19C2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
898	860898	Bùi Nguyên	Niên	22/08/2000	1811504410142	Quảng Nam	18CDT1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
899	860899	Nguyễn Văn	Phong	27/04/2002	2050421200203	Quảng Trị	20DL2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
900	860900	Đoàn Thanh	Phú	12/02/2002	2050421200205	Quảng Trị	20DL2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
901	860901	Đoàn Công Hồng	Phúc	17/02/2003	21115061120131	Quảng Nam	21XD1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
902	860902	Nguyễn Đình	Phúc	26/03/2002	2050512200211	Đà Nẵng	20D2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
903	860903	Nguyễn Hữu	Phúc	04/11/2002	2050541200149	Quảng Nam	20DT1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
904	860904	Đặng Hoàng	Phương	15/08/2003	21115055120155	Quảng Ngãi	21TDH1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
905	860905	Bùi Quốc	Quân	26/02/2003	21115042120143	Hà Tĩnh	21DL1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
906	860906	Lê Văn Công	Quân	20/03/2002	2050531200259	Quảng Nam	20T2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
907	860907	Nguyễn Trần Minh	Quân	13/02/2003	21115044120241	Huế	21CDT2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
908	860908	Lê Thanh	Quang	18/12/2003	21115041120139	Quảng Ngãi	21C1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
909	860909	Nguyễn Võ Đình	Quốc	11/03/2003	21115041120240	Quảng Nam	21C2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
910	860910	Phan Hữu	Quốc	08/01/2003	21115055120246	Bình Định	21TDH2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
911	860911	Bùi Lê Công	Quý	13/02/2003	21115041120140	Quảng Ngãi	21C1	3	29 (C401)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
912	860912	Hoàng Anh Quý	02/12/2003	21115061120133	Đà Nẵng	21XD1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
913	860913	Hồ Việt Sang	14/08/2000	1811504210331	Quảng Nam	18DL3	3	29 (C401)	ĐHSPKT
914	860914	Huỳnh Đức Sang	06/06/2003	21115044120147	Đà Nẵng	21CDT1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
915	860915	Phan Thanh Sang	03/04/2001	2050541200150	Hà Tĩnh	20DT1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
916	860916	Trần Quang Sang	05/03/2003	21115053120344	Quảng Ngãi	21T3	3	29 (C401)	ĐHSPKT
917	860917	Lê Chính Sao	03/05/2003	21115054120150	Huế	21DT1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
918	860918	Nguyễn Hồng Sơn	26/07/2003	21115041120144	Quảng Ngãi	21C1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
919	860919	Lê Văn Sỹ	14/02/2003	21115042120150	Quảng Ngãi	21DL1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
920	860920	Đặng Đình Tài	03/05/2003	21115041120145	Thái Bình	21C1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
921	860921	Lê Văn Tài	11/03/2003	21115061120135	Quảng Nam	21XD1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
922	860922	Lê Văn Tâm	27/01/2002	2050512200225	Quảng Nam	20D2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
923	860923	Nguyễn Ngọc Tân	06/10/2003	21115042120152	Huế	21DL1	3	29 (C401)	ĐHSPKT
924	860924	Nguyễn Thành Tây	17/10/2004	22115043122230	Huế	22N2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
925	860925	Trần Thanh Tây	22/06/2003	21115055120254	Quảng Ngãi	21TDH2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
926	860926	Đỗ Văn Thái	10/09/2003	21115041120243	Quảng Bình	21C2	3	29 (C401)	ĐHSPKT
927	860927	Lê Văn Đại Thắng	24/05/2003	21115042120154	Đắk Lắk	21DL1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
928	860928	Lê Xuân Thắng	20/10/2003	21115042120155	Quảng Nam	21DL1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
929	860929	Lương Đình Thắng	01/11/2002	2050421200247	Quảng Nam	20DL2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
930	860930	Nguyễn Công Thắng	11/07/2003	21115041120147	Quảng Nam	21C1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
931	860931	Phan Văn Thanh	11/06/2003	21115041120244	Quảng Ngãi	21C2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
932	860932	Huỳnh Bá Thành	26/08/2000	1811506120154	Đà Nẵng	18XD1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
933	860933	Ngô Văn Thành	07/10/2002	2050441200263	Hà Tĩnh	20CDT2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
934	860934	Đào Ngọc Thế	07/03/2003	21115054120183	Quảng Trị	21DT1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
935	860935	Đình Hữu Thiện	08/07/2003	21115041120149	Đà Nẵng	21C1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
936	860936	Nguyễn Thái Thịnh	04/08/2003	21115042120159	Đà Nẵng	21DL1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
937	860937	Võ Minh Thịnh	03/12/2003	21115051220256	Quảng Nam	21D3	3	30 (C404)	ĐHSPKT
938	860938	Nguyễn Văn Thọ	10/10/2002	2050531200341	Quảng Bình	20T3	3	30 (C404)	ĐHSPKT
939	860939	Nguyễn Văn Thời	18/11/2003	21115041120247	Hà Tĩnh	21C2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
940	860940	Nguyễn Xuân Thuận	27/06/2004	22115043122235	Bình Định	22N2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
941	860941	Phan Huy Thực	14/12/2003	21115044120254	Quảng Nam	21CDT2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
942	860942	Trần Công Thúc	06/01/2003	21115041120250	Quảng Nam	21C2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
943	860943	Nguyễn Tấn Thương	25/04/2003	21115064120114	Quảng Nam	21XH1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
944	860944	Nguyễn Vững Tiến	20/04/2003	21115043120166	Quảng Nam	21N1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
945	860945	Trần Như Tín	07/09/2003	21115041120253	Quảng Ngãi	21C2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
946	860946	Lê Quang Tính	05/08/2002	2050551200224	Quảng Ngãi	20TDH2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
947	860947	Ngô Quang Tình	15/02/2003	21115042120162	Quảng Nam	21DL1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
948	860948	Nguyễn Phương Tinh	03/09/2002	2050541200153	Quảng Ngãi	20DT1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
949	860949	Phan Thành Toàn	11/07/2003	21115041120254	Quảng Nam	21C2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
950	860950	Trần Đức Tôn	16/09/2000	1911505120243	Quảng Trị	19D1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
951	860951	Nguyễn Công Trà	10/02/2002	2050441200250	Quảng Ngãi	20CDT2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
952	860952	Lê Phạm Minh Trân	16/05/2001	1911507310147	Đà Nẵng	19HTP1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
953	860953	Nguyễn Thị Trang	08/09/2003	21115051220166	Quảng Nam	21D1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
954	860954	Nguyễn Hữu Trí	11/03/2003	21115042120166	Nghệ An	21DL1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
955	860955	Nguyễn Anh Triết	11/03/2003	21115042120167	Quảng Ngãi	21DL1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
956	860956	Nguyễn Minh Trung	24/07/2003	21115041120161	Kon Tum	21C1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
957	860957	Nguyễn Thành Trung	06/03/2000	1811505310248	Quảng Nam	18T2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
958	860958	Nguyễn Văn Trung	03/07/2002	2050531200352	Quảng Bình	20T3	3	30 (C404)	ĐHSPKT
959	860959	Phạm Quốc Trung	01/02/1999	1711505210130	Phú Yên	17KTDT1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
960	860960	Phạm Viết Trung	01/01/2001	1911505410168	Quảng Ngãi	19DT1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
961	860961	Võ Đình Trung	13/05/2003	21115051220263	Quảng Ngãi	21D2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
962	860962	Huỳnh Bá Đan Trường	28/02/2003	21115061120148	Quảng Nam	21XD1	3	30 (C404)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	Trường
963	860963	Nguyễn Phan Trường	10/08/2003	21115041120163	Bình Định	21C1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
964	860964	Nguyễn Thanh Phi Trường	30/03/2003	21115043120156	Quảng Ngãi	21N1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
965	860965	Nguyễn Quang Trường	07/06/2002	2050731200121	Quảng Ngãi	20HTP1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
966	860966	Đỗ Minh Tú	29/04/2003	21115041120267	Quảng Ngãi	21C2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
967	860967	Nguyễn Quang Thái Tuấn	12/06/2003	21115041120166	Quảng Trị	21C1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
968	860968	Nguyễn Quốc Tuấn	13/12/2003	21115043120159	Quảng Nam	21N1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
969	860969	Nguyễn Tiến Tuấn	20/03/2003	21115041120257	Nghệ An	21C2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
970	860970	Nguyễn Văn Tuấn	12/09/2001	1911505410157	Quảng Ngãi	19DT1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
971	860971	Ngô Thanh Tùng	18/03/2002	2050531200322	Quảng Nam	20T3	3	30 (C404)	ĐHSPKT
972	860972	Dương Phú Tuyên	20/07/2003	21115051220174	Quảng Nam	21D1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
973	860973	Nguyễn Thị Thanh Uyên	20/10/2003	21115072120117	Đà Nẵng	21MT1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
974	860974	Nguyễn Phan Anh Văn	19/03/2003	21115054120173	Quảng Nam	21DT1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
975	860975	Nguyễn Thanh Vinh	17/02/2002	2050512200264	Bình Phước	20D1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
976	860976	Dương Tấn Vũ	15/04/2000	1811504210252	Kon Tum	18DL2	3	30 (C404)	ĐHSPKT
977	860977	Lê Khắc Minh Vương	13/12/2003	21115041120167	Quảng Nam	21C1	3	30 (C404)	ĐHSPKT
978	860978	Trần Quang Vương	28/02/2003	21115061120245	Quảng Nam	21XD2	3	30 (C404)	ĐHSPKT

Danh sách có 978 thí sinh./.